

QUYỂN “MƯỜI MỘT”

(Ekādasaka-Nipāta)

VỀ BẢN DỊCH AN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ-Đề (*Bhikkhu Bodhi*, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên thâm, nhà từ thiện). Có nhiều chỗ tham chiếu với các phiên bản của nhà sư Ajahn Sujato và PTS.

- Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh AN này có 11 QUYỂN (*nipāta*) được đặt tên lần lượt từ QUYỂN “MỘT” cho đến QUYỂN “MƯỜI MỘT”, trong đó “Một”... vừa là tên của Quyển kinh (nói về một điều, một pháp, một người...) vừa là số thứ tự của Quyển kinh. Mỗi Quyển lại có nhiều NHÓM kinh (*vagga, phāṃ*), toàn bộ kinh AN này có 180 NHÓM kinh, gồm có 8.122 bài kinh (và kinh tóm lược). Các Quyển 1, 2 và 11 đơn giản đánh số các NHÓM kinh từ 1 đến cuối. Các Quyển từ 3-10 thì gom các NHÓM kinh thành những phần “Năm Mười Kinh” và một số phần “thêm vào” phần “Năm Mười Kinh” cuối.

- Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa của câu hay chữ chỗ đó.

- Các giải thích, diễn dịch, và cả những phần chú thích cuối sách, trong ngoặc vuông [...] là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]).

- Các chú giải thuộc các giảng luận (như **Mp**, **Mp-t**...) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu.

- Có những số hiệu và thông tin các kinh được TKBĐ dẫn ra trong các chú thích để chỉ ra sự trùng lặp, so sánh, đối chiếu... là các số hiệu của PTS (như đã giải thích trong “BẢNG VIỆT TẮT” ở cuối sách). Người dịch Việt cũng cố gắng đưa ra những số hiệu kinh tương ứng trong bản dịch Pāli-Anh của TKBĐ, (như các bản dịch Việt).

- Cuối mỗi chú thích của bản dịch Việt có ghi một số trong ngoặc tròn, ví dụ: (8), (241) ... đó là số của các chú thích trong bản dịch Pāli-Anh của TKBĐ. Mục đích để cho những người đọc muốn đối chiếu chúng với những chú thích tiếng Việt.

- Một số chữ Hán-Việt đã rất quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố-ý (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), gôi ngòi thiên (tọa cụ) ...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: *người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật*, một cách không mấy khó khăn. Mỗi ngày dành ít thời gian đọc một NHÓM kinh dài hay vài NHÓM kinh ngắn, thì trong số ít ngày quý vị sẽ đọc hết bộ kinh. Bản dịch Việt này ai cũng có thể đọc hiểu được. Đọc qua các kinh sẽ có một cách-nhìn bao quát hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, giác ngộ giáo lý đích thực của Phật để tu hành.

Do bộ kinh có nhiều NHÓM kinh với các chủ-đề khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ Quyển nào hoặc trong một Quyển có thể chọn chủ-đề nào mình quan tâm để đọc trước. Nhìn vào Mục Lục sẽ thấy. Nếu không phải ưu tiên quan tâm hay cần tra cứu theo những chủ-đề nào đó, quý vị hãy đọc từ đầu đến cuối một Quyển kinh...

và một Bộ kinh.

+ Nên *đọc một bài kinh từ đầu đến cuối* để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú thích những chữ đó thì người đọc có thể bị lạc khỏi chủ-đề của kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyên nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú thích này nọ. Nếu có chữ nào hay thuật ngữ nào không hiểu thì nên đọc chú thích để hiểu. Nếu đã đọc và hiểu nghĩa các câu chữ thì không cần phải tra cứu chú thích, vì đa phần những chú thích chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

+ Là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm và kỹ càng nhất của Ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn và cảm niệm công đức như thái dương của thầy.

*Nhà Bè, mùa đại dịch Covid-19 (PL 2564)
(dịch xong và in giữa năm 2020)*

MỤC LỤC

Về Bản Dịch AN	iii
NHÓM 1. SỰ TÙY THUỘC	1
1 (1) Mục Đích Gì	1
2 (2) Sự Cố-Ý	3
3 (3) Nguyên Nhân Cận Kề (1)	5
4 (4) Nguyên Nhân Cận Kề (2)	6
5 (5) Nguyên Nhân Cận Kề (3)	7
6 (6) Tai Nạn	7
7 (7) Nhận Thức	7
8 (8) Sự Chú Tâm	10
9 (9) Sandha	11
10 (10) Chỗ Tìm Thức Ăn Của Chim Công	15
NHÓM 2. SỰ TƯỞNG NIỆM.....	17
11 (1) Mahānāma (1)	17
12 (2) Mahānāma (2)	22
13 (3) Nandiya	23
14 (4) Tu-Bồ-Đề	26
15 (5) Tâm Từ	30
16 (6) Dasama	31
17 (7) Người Chăn Bò.....	36
18 (8) Sự Định Tâm (1).....	44
19 (9) Sự Định Tâm (2).....	45

20	(10) <i>Sự Định Tâm (3)</i>	46
21	(11) <i>Sự Định Tâm (4)</i>	46
NHÓM 3. TƯƠNG TỰ.....		47
22	(1) — 29 (8) <i>Quán Sát Sự Vô Thường</i>	47
30	(9) — 69 (48)	48
31	(49) — 117 (96)	48
118	(97) — 165 (144)	48
166	(145) — 213 (192)	49
214	(193) — 261 (240)	49
215	(241) — 309 (288)	49
310	(289) — 367 (336)	49
368	(337) — 405 (384)	50
406	(385) — 405 (432)	50
454	(433) — 501 (480)	50
502	(481) — 981 (960)	50
NHÓM 4. NHÓM “THAM” LẶP LẠI & TÓM LƯỢC.....		51
982	(1).....	51
983	(2) — 991 (10)	51
992	(11) — 1151 (170)	52
BẢNG VIẾT TẮT.....		53
CHÚ THÍCH		59

*Kính Lễ Đức Thế Tôn,
bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!*

NHÓM 1
SỰ TÙY THUỘC

1 (1) Mục Đích Gì ²¹³⁷

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn,²¹³⁸ ngồi xuống một bên, và thưa:

(1) “Thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của giới-hạnh thiện lành?”

(2) “Này Ānanda, mục đích và ích lợi của giới-hạnh thiện lành là (để có được) sự không hối-tiếc.”

(3) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự không hối-tiếc?”

“Mục đích và ích lợi của sự không hối-tiếc là sự vui-vẻ.”

(4) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự vui-vẻ?”

“Mục đích và ích lợi của sự vui-vẻ là sự hoan-hỷ (hỷ).”

(5) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự hoan-hỷ?”

“Mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng (khinh an).”

(6) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng?”

“Mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng là sự sướng (lạc).”

(7) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự sướng?”

“Mục đích và ích lợi của sự sướng là định-tâm (định).”

(8) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự định-tâm?”

“Mục đích và ích lợi của sự định-tâm là sự hiểu-biết và tầm-nhìn về mọi thứ đúng như chúng thực là.”

(9) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự hiểu-biết và tầm-nhìn về mọi thứ đúng như chúng thực là?”

“Mục đích và ích lợi của sự hiểu-biết và tầm-nhìn về mọi thứ đúng như chúng thực là sự tỉnh-ngộ (không còn mê đắm).”

(10) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự tỉnh-ngộ?”

“Mục đích và ích lợi của sự tỉnh-ngộ là sự chán-bỏ.”

(11) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự và sự chán-bỏ?”

“Mục đích và ích lợi của sự chán-bỏ là trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.”

“Như vậy đó, này Ānanda, (1)–(2) mục đích và ích lợi của giới-hạnh thiện lành là sự không hối-tiếc; (3) mục đích và ích lợi của sự không hối-tiếc là sự vui-vẻ; (4) mục đích và ích lợi của sự vui-vẻ là sự hoan-hỷ (hỷ); (5) mục đích và ích lợi của sự hoan-hỷ là sự tĩnh-lặng (khinh an). (6) mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng là sự sướng (lạc);

(7) mục đích và ích lợi của sự sướng là định-tâm (định); (8) mục đích và ích lợi của sự định-tâm là sự hiểu-biết và tầm-nhìn về mọi thứ đúng như chúng thực là; (9) mục đích và ích lợi của sự hiểu-biết và tầm-nhìn về mọi thứ đúng như chúng thực là là sự tỉnh-ngộ; (10) mục đích và ích lợi của sự tỉnh-ngộ là sự chán-bỏ; (11) mục đích và ích lợi của sự chán-bỏ là trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Như vậy, này Ānanda, giới-hạnh thiện lành dẫn dắt tiến dần tới chỗ cao nhất.”

2 (2) *Sự Cố-Ý* ²¹³⁹

(1)–(2) “Này các Tỳ kheo, với một người có giới-hạnh, hành vi của người đó là đức hạnh, thì không cần dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong sự không hối-tiết khởi sinh trong tôi’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng sự không hối-tiết sẽ khởi sinh trong một người có giới-hạnh, hành vi của người đó là đức hạnh.

(3) “Với người không có sự hối-tiết thì không cần dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong niềm-vui khởi sinh trong tôi’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người không có sự hối-tiết sẽ khởi sinh niềm-vui.

(4) “Với người được vui-vẻ thì không cần dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong sự hoan-hỷ khởi sinh trong tôi’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người vui-vẻ sẽ khởi sinh sự hoan-hỷ (hỷ).

(5) “Với người có một cái tâm hoan-hỷ thì không cần dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong thân tôi tĩnh-lặng’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người có tâm hoan-hỷ thì thân sẽ được tĩnh-lặng (khinh an).

(6) Với người được tĩnh-lặng trong thân thì không cần dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong tôi cảm thấy sướng’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người được tĩnh-lặng trong thân thì khởi sinh sự sướng (lạc).

(7) “Với một người cảm giác sướng thì không cần dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong tâm tôi đạt-định’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng tâm của một

người cảm giác sợ hãi thì sẽ đạt định.

(8) “Với người đạt-định thì không cần dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong tôi biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng một người đạt-định thì sẽ biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là.

(9) “Với người biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là thì không cần dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong tôi biết tỉnh-ngộ (không còn mê đắm).’ Đó là lẽ tự nhiên, rằng một người biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là sẽ biết tỉnh-ngộ.

(10) “Với người biết tỉnh-ngộ thì không cần dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong tôi biết chán-bỏ’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng một người tỉnh-ngộ thì sẽ biết chán-bỏ.

(11) “Với người biết chán-bỏ thì không cần dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong tôi chứng ngộ trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng một người biết chán-bỏ thì sẽ chứng ngộ trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.

“Như vậy là, này các Tỳ kheo, (11)–(10) trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát là mục đích và ích lợi của sự chán-bỏ; (9) sự chán-bỏ là mục đích và ích lợi của sự tỉnh-ngộ; (8) sự tỉnh-ngộ là mục đích và ích lợi của sự biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là; (7) sự biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là là mục đích và ích lợi của sự định-tâm; (6) sự định-tâm là mục đích và ích lợi của sự sợ hãi; (5) sự sợ hãi là mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng (trong thân); (4) sự tĩnh-lặng (trong thân) là mục đích và ích lợi của sự hoan-hỷ; (3) sự hoan-hỷ là mục đích và ích lợi của niềm-vui; (2) niềm-vui là mục đích và ích lợi của sự không bị hối-tiếc; và (1) sự không bị hối-tiếc là mục đích và ích lợi của sự (giữ, có được) giới-hạnh.

“Như vậy, này các Tỳ kheo, một giai đoạn chảy vào giai đoạn kế tiếp, một giai đoạn đổ đầy giai đoạn kế tiếp, để đi từ bờ bên này đến bờ

bên kia.”

3 (3) *Nguyên Nhân Cận Kề (I)*²¹⁴⁰

(I) “Này các Tỳ kheo, (1) với một người thất đức, người thiếu giới-hạnh, thì (2) sự không hồi-tiết sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề (kế trước, kế cận) của nó. Khi không có sự không hồi-tiết, với người thiếu sự không hồi-tiết, thì (3) niềm-vui sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có niềm-vui, với người thiếu sự niềm-vui, thì (4) sự hoan-hỷ sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự hoan-hỷ, với người thiếu sự hoan-hỷ, thì (5) sự tĩnh-lặng (trong thân) sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự tĩnh-lặng, với người thiếu sự tĩnh-lặng, thì (6) sự sượng sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự sượng, với người thiếu sự sượng, thì (7) sự định-tâm sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự định-tâm, với người thiếu sự định-tâm, thì (8) sự biết và thấy về mọi sự đúng như chúng thực là sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là, với người thiếu sự biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là, thì (9) sự tỉnh-ngộ (không còn mê đắm) sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự tỉnh-ngộ, thì (10) sự chán-bỏ sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự chán-bỏ, thì (11) trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó.

“Ví như một cây thiếu cành và lá. Thì rễ của nó không phát triển đầy đủ; rồi vỏ cây, phần gỗ mềm, và phần gỗ lõi cũng không phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, (1) với một người thất đức, người thiếu giới-hạnh, thì (2) sự không hồi-tiết sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó (11) trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó.

(II) “Này các Tỳ kheo, (1) với một người đức hạnh, người có giới-

hạnh, thì (2) sự không hối-tiếc sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự không hối-tiếc, với người có được sự không hối-tiếc, thì (3) niềm-vui sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có niềm-vui, với người có được niềm-vui, thì (4) sự hoan-hỷ sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự hoan-hỷ, với người có được sự hoan-hỷ, thì (5) sự tĩnh-lặng (trong thân) sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự tĩnh-lặng, với người có được sự tĩnh-lặng, thì (6) sự sừng sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự sừng, với người có được sự sừng, thì (7) sự định-tâm sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự định-tâm, với người có được sự định-tâm, thì (8) sự biết và thấy về mọi sự đúng như chúng thực là sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là, với người có được sự biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là, thì (9) sự tỉnh-ngộ (không còn mê đắm) sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự tỉnh-ngộ, thì (10) sự chán-bỏ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự chán-bỏ, thì (11) trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó.

“Ví như một cây có đủ cành và lá. Thì rễ của nó sẽ phát triển đầy đủ; rời vỏ cây, phần gỗ mềm, và phần gỗ lõi cũng phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, (1) với một người đức hạnh, người có giới-hạnh, thì (2) sự không hối-tiếc sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó ... (11) trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó.”

4 (4) Nguyên Nhân Cận Kề (2)

Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo: [*Tiếp tục giống hệt nội dung kinh 11:03 kể trên, chỉ khác là kinh này do thầy Xá-lợi-phất nói.*]

5 (5) *Nguyên Nhân Cận Kế* (3)

Ở đó Ngài Ānanda đã nói với các Tỳ kheo: [*Tiếp tục giống hệt nội dung kinh 11:03 kể trên, chỉ khác là kinh này do thầy Ānanda nói.*]

6 (6) *Tai Nạn*²¹⁴¹

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo là người sĩ nhục và chê bai những Tỳ kheo đồng đạo, người chửi rủa những thánh nhân, thì không thể nào và không thể hình dung rằng người đó sẽ không gặp phải [xảy ra] một trong mười một tai nạn này. Mười một đó là gì? (1) Người đó không thành tựu điều chưa thành tựu. (2) Người đó rớt khỏi điều mình đã thành tựu. (3) Những phẩm chất tốt của người đó không được làm sáng bóng.²¹⁴² (4) Người đó đánh giá quá cao những phẩm chất của mình, hoặc (5) sẽ dẫn tới đời sống tâm linh không được thỏa mãn, hoặc sẽ phạm vào tội ô-nhiễm nào đó, hoặc (7) bỏ tu quay lại đời sống thấp tục, hoặc (8) dính bệnh ngặt nghèo, hoặc (9) bị điên khùng hay bị loạn trí. (10) Người đó chết với tâm ngu mờ. (11) Khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Khi một Tỳ kheo là người sĩ nhục và chê bai những Tỳ kheo đồng đạo, người chửi rủa những thánh nhân, thì không thể nào và không thể hình dung rằng người đó sẽ không gặp phải [xảy ra] một trong mười một tai nạn này.”

7 (7) *Nhận Thức*²¹⁴³

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, có phải một Tỳ kheo có thể: {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức (phi

tưởng) về đất trong liên hệ với đất;²¹⁴⁴ (2) về nước trong liên hệ với nước; (3) về lửa trong liên hệ với lửa; (4) về khí trong liên hệ với khí; (5) về cảnh xứ vô biên của không-gian trong liên hệ với cảnh xứ vô biên của không-gian (không vô biên xứ); (6) về cảnh xứ vô biên của thức trong liên hệ với cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ); (7) về cảnh xứ trống-không trong liên hệ với cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ); (8) về cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức trong liên hệ với cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tướng phi phi tướng xứ); (9) về thế giới này trong liên hệ với thế giới này; (10) về thế giới khác trong liên hệ với thế giới khác; (11) về mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm},²¹⁴⁵ nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức?”

“Người đó có thể, này Ānanda.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào người đó có thể đạt được một trạng thái định-tâm như vậy?”

“Ồ đây, này Ānanda, một Tỳ kheo là có nhận thức (tưởng) như vậy: ‘Đây (trạng thái này) là bình an, đây là siêu phàm, đó là, sự làm lắng-lặn tất cả mọi hành-vi (hành vi tạo tác; các hành), sự từ-bỏ mọi sự chấp-thủ, sự tiêu-diệt dục-vọng, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, niết-bàn.’²¹⁴⁶ Đây Ānanda, chính theo cách này một Tỳ kheo có thể {đạt được một trạng thái định-tâm như vậy (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức về đất trong liên hệ với đất; (2) về nước trong liên hệ với nước; (3) về lửa trong liên hệ với lửa; (4) về khí trong liên hệ với khí; (5) về cảnh xứ vô biên của không-gian trong liên hệ với cảnh xứ vô biên của không-gian (không vô biên xứ); (6) về cảnh xứ vô biên của thức trong liên hệ với cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ); (7) về cảnh xứ trống-không trong liên hệ với cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ); (8) về cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức trong liên hệ với cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không

còn nhận-thức (phi tướng phi phi tướng xứ); (9) về thế giới này trong liên hệ với thế giới này; (10) về thế giới khác trong liên hệ với thế giới khác; (11) về mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}, nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức.”

Rồi thầy Ānanda, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đi vòng ra giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình, rồi đi đến gặp Ngài Xá-lợi-phất.²¹⁴⁷ Thầy ấy chào hỏi qua lại với thầy Xá-lợi-phất, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, có phải một Tỳ kheo có thể: {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức về đất trong liên hệ với đất ... (11) về mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}, nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức?”

“Người đó có thể, này đạo hữu Ānanda.”

“Nhưng, này đạo hữu Xá-lợi-phất, theo cách nào người đó có thể đạt được một trạng thái định-tâm như vậy?”

“Ồ đây, này đạo hữu Ānanda, một Tỳ kheo là có nhận thức (tướng) như vậy: ‘Đây (trạng thái này) là bình an, đây là siêu phàm, đó là, sự làm lắng-lặng tất cả mọi hành-vi (hành vi tạo tác; các hành), sự từ-bỏ mọi sự chấp-thủ, sự tiêu-diệt dục-vọng, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, niết-bàn.’ Này Ānanda, chính theo cách này một Tỳ kheo có thể {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức về đất trong liên hệ với đất ... (11) về mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}, nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức.”

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này đạo hữu, rằng ý nghĩa và câu chữ của cả Vị Thầy và vị đệ tử đều trùng hợp và giống nhau và

không khác biệt khi nói về trạng thái bậc nhất đó.²¹⁴⁸ Nay đạo hữu, mới đây tôi đã đến gặp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn về vấn đề này. Đức Thế Tôn đã trả lời tôi y hệt với ý nghĩa và câu chữ như thầy Xá-lợi-phát đã dùng. Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này đạo hữu, rằng ý nghĩa và câu chữ của cả Vị Thầy và vị đệ tử đều trùng hợp và giống nhau và không khác biệt khi nói về trạng thái bậc nhất đó.”

8 (8) Sự Chú Tâm

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, có phải một Tỳ kheo có thể: {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) người đó không chú tâm (tác ý) tới mắt và những hình-sắc, tai và những âm-thanh, mũi và những mùi-hương, lưỡi và những mùi-vị, thân và những đối-tượng chạm xúc; rằng (1) người đó không chú tâm tới (yếu tố) đất,²¹⁴⁹ (2) nước, (3) lửa, (4) hoặc gió; (5) người đó không chú tâm tới cảnh xứ vô biên của không gian (không vô biên xứ), (6) cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ), (7) cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ), (8) hoặc cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ); (9) người đó không chú tâm tới thế giới này; (10) sáng có quả sáng không chú tâm tới thế giới khác; (11) người đó không chú tâm tới mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}, nhưng người đó vẫn còn có chú-tâm (tác ý)?”

“Người đó có thể, này Ānanda.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào người đó có thể đạt được một trạng thái định-tâm như vậy?”

“Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo là có nhận thức (tưởng) như

vây: ‘Đây (trạng thái này) là bình an, đây là siêu phàm, đó là, sự làm lắng-lặn tất cả mọi hành-vi (hành vi tạo tác; các hành), sự từ-bỏ mọi sự chấp-thủ, sự tiêu-diệt dục-vọng, sự chán-bỏ, sự chắm-dứt, niết-bàn.’
 Nay Ānanda, chính theo cách này một Tỷ kheo có thể {đạt được một trạng thái định-tâm như vậy (mà trong đó) người đó không chú tâm (tác ý) tới mắt và những hình-sắc, tai và những âm-thanh, mũi và những mùi-hương, lưỡi và những mùi-vị, thân và những đối-tượng chạm xúc; rằng (1) người đó không chú tâm tới (yếu tố) đất, (2) nước, (3) lửa, (4) hoặc gió; (5) người đó không chú tâm tới cảnh xứ vô biên của không gian, (6) cảnh xứ vô biên của thức, (7) cảnh xứ trống-không, (8) hoặc cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức; (9) người đó không chú tâm tới thế giới này; (10) sáng có quả sáng không chú tâm tới thế giới khác; (11) người đó không chú tâm tới mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}, nhưng người đó vẫn còn có chú-tâm (tác ý).”

9 (9) Sandha

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nāḍika trong hội trường gạch. Lúc đó có Ngài Sandha²¹⁵⁰ đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

“Này Sandha, hãy thiền như một con ngựa thuần chủng xuất sắc, không như con ngựa non hoang dã.

(I) “Và theo cách nào một con ngựa non hoang dã thiền ngẫm? Khi một con ngựa non hoang dã được cột gần máng ăn, nó chỉ thiền ngẫm: ‘Cỏ để ăn, cỏ để ăn!’ Vì lý do gì? Vì khi một con ngựa non hoang dã được cột gần máng ăn, nó không biết tự hỏi mình: ‘Giờ trách nhiệm gì người huấn luyện ngựa đặt ra cho ta hôm nay? Ta có thể làm gì để làm hài lòng ông ta?’ Khi được cột ở gần máng ăn nó chỉ thiền

ngẫm: ‘Cỏ để ăn, cỏ để ăn!’ Cũng giống như vậy, này Sandha, một người giống một con ngựa non hoang dã, sau khi đi vô rừng, đến một góc cây, hay một chòi trống, ngồi trú với một cái tâm bị ám muội và áp chế bởi (chương ngại) tham-dục, và người đó không hiểu được ‘sự thoát-khỏi nhục-dục đã khởi sinh’ đúng như nó thực là. Khi chấp chứa nhục-dục ở bên trong, người đó thiền ngẫm, ngẫm nghĩ, suy ngẫm, và nghiền ngẫm.²¹⁵¹ Người đó ngồi trú với một cái tâm bị ám muội và áp chế bởi (chương ngại) sự ác-ý ... bởi sự sợ đờ-đẫn và buồn-ngủ ... bởi sự bất-an và hối-tiếc ... bởi sự nghi-ngờ, và người đó không hiểu được ‘sự thoát-khỏi sự nghi-ngờ đã khởi sinh’ đúng như nó thực là. Khi chấp chứa sự nghi-ngờ ở bên trong, người đó thiền ngẫm, ngẫm nghĩ, suy ngẫm, và nghiền ngẫm.

- “Người đó thiền (1) tùy thuộc vào (yếu tố) đất, (2) tùy thuộc vào nước, (3) tùy thuộc vào lửa, (4) tùy thuộc vào gió, (5) tùy thuộc vào cảnh xứ vô biên của không gian (không vô biên xứ), (6) tùy thuộc vào cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ), (7) tùy thuộc vào cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ), (8) tùy thuộc vào cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tướng phi phi tướng xứ), (9) tùy thuộc vào thế giới này, (10) tùy thuộc vào thế giới khác, (11) tùy thuộc vào mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm. Kiểu như vậy là sự thiền của một người giống như một con ngựa non hoang dã.

(II) “Và, này Sandha, theo cách nào là thiền như một con ngựa thuần chủng xuất sắc? Khi một con ngựa thuần chủng xuất sắc được cột gần máng ăn, nó không thiền ngẫm: ‘Cỏ để ăn, cỏ để ăn!’ Vì lý do gì? Vì khi một con ngựa non hoang dã được cột gần máng ăn, nó biết tự hỏi mình: ‘Giờ trách nhiệm gì người huấn luyện ngựa đặt ra cho ta hôm nay? Ta có thể làm gì để làm hài lòng ông ta?’ Khi được cột ở gần máng ăn nó không thiền ngẫm: ‘Cỏ để ăn, cỏ để ăn!’ Vì con ngựa

thuần chủng xuất sắc coi sự bị dùng roi thúc ngựa (tức bị người huấn luyện đánh, thúc) là một món nợ, một sự trói buộc, một sự mất mát, và thất bại. Cũng giống như vậy, một người giống như con ngựa thuần chủng xuất sắc, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, không ngồi trú với một cái tâm bị ám muội và áp chế bởi (chương ngại) tham-dục, và người đó hiểu được ‘sự thoát-khỏi nhục-dục đã khởi sinh’ đúng như nó thực là. Người đó không ngồi trú với một cái tâm bị ám muội và áp chế bởi (chương ngại) sự ác-ý ... bởi sự sợ-đẫn và buồn-ngủ ... bởi sự bất-an và hối-tiếc ... bởi sự nghi-ngờ, và người đó không hiểu được sự thoát-khỏi sự nghi-ngờ đã khởi sinh.

- “Người đó không thiên (1) tùy thuộc vào (yếu tố) đất, (2) tùy thuộc vào nước, (3) tùy thuộc vào lửa, (4) tùy thuộc vào gió, (5) tùy thuộc vào cảnh xứ vô biên của không gian (không vô biên xứ), (6) tùy thuộc vào cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ), (7) tùy thuộc vào cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ), (8) tùy thuộc vào cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tướng phi phi tướng xứ), (9) tùy thuộc vào thế giới này, (10) tùy thuộc vào thế giới khác, (11) tùy thuộc vào mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm. Cách như vậy là sự thiên của một người giống như một con ngựa thuần chủng xuất sắc.

“Khi người đó thiên tập theo cách như vậy, có những thiên thần đi cùng vị trời Indra, vị trời Brahmā, và vị trời Pajāpati từ xa kính cẩn người thuần chủng xuất sắc đó, và họ nói:

“Kính lễ ngài, hỡi người thuần chủng!
 Kính lễ ngài, hỡi người cao thượng!
 Bản thân chúng tôi không hiểu được,
 Ngài thiên tùy thuộc vào thứ gì.”²¹⁵²

Khi lời đó được nói ra, thầy Sandha đã thưa với đức Thế Tôn:

“Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào một người thuần chủng xuất sắc thiên trú? Nếu người đó không thiên tùy thuộc vào (yếu tố) đất ... tùy thuộc vào thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm, và như vậy người đó thiên theo cách nào mà đến nỗi những thiên thần đi cùng ... từ xa kính cẩn, và họ nói:

“Kính lễ ngài, hỡi người thuần chủng!

Kính lễ ngài, hỡi người cao thượng!

Bản thân chúng tôi không hiểu được,

Ngài thiên tùy thuộc vào thứ gì.”

“Ở đây, này Sandha, đối với một người thuần chủng xuất sắc, (1) nhận-thức về (yếu tố) đất đã biến mất trong liên hệ với đất,²¹⁵³ (2) nhận-thức về nước đã biến mất trong liên hệ với nước, (3) nhận-thức về lửa đã biến mất trong liên hệ với lửa, (4) nhận-thức về gió đã biến mất trong liên hệ với gió; (5) nhận-thức về cảnh xứ vô biên của không gian đã biến mất trong liên hệ với cảnh xứ đó, (6) nhận-thức về cảnh xứ vô biên của thức đã biến mất trong liên hệ với cảnh xứ đó, (7) nhận-thức về cảnh xứ trống-không đã biến mất trong liên hệ với cảnh xứ đó, (8) nhận-thức về cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức đã biến mất trong liên hệ với cảnh xứ đó, (9) nhận-thức về thế giới này đã biến mất trong liên hệ với thế giới này, (10) nhận-thức về thế giới khác đã biến mất trong liên hệ với thế giới khác; (10) nhận-thức đã biến mất trong liên hệ với mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm.

“Này Sandha, thiên theo cách như vậy, một người thuần chủng xuất sắc không thiên (1) tùy thuộc vào (yếu tố) đất, (2) tùy thuộc vào nước, (3) tùy thuộc vào lửa, (4) tùy thuộc vào gió, (5) tùy thuộc vào

cảnh xứ vô biên của không gian (không vô biên xứ), (6) tùy thuộc vào cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ), (7) tùy thuộc vào cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ), (8) tùy thuộc vào cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tướng phi phi tướng xứ), (9) tùy thuộc vào thế giới này, (10) tùy thuộc vào thế giới khác, (11) tùy thuộc vào mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm, và như vậy người đó thiên trú.²¹⁵⁴ Và người đó thiên trú theo cách như vậy, nên những thiên thần đi cùng vị trời Indra, vị trời Brahmā, và vị trời Pajāpati từ xa kính cẩn người thuần chủng xuất sắc đó, và họ nói:

“Kính lễ ngài, hỡi người thuần chủng!
 Kính lễ ngài, hỡi người cao thượng!
 Bản thân chúng tôi không hiểu được,
 Ngài thiên tùy thuộc vào thứ gì.”

10 (10) Chỗ Tìm Thức Ăn Của Chim Công ²¹⁵⁵

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá) trong khu ở của những du sĩ, chỗ khu kiếm ăn của bầy công. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

(i) “Này các Tỳ kheo, có được ba phẩm chất, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người: là người đã đạt tới kết-cuộc tốt cùng (rốt ráo), đã dành được sự an-toàn tốt cùng thoát khỏi sự trôi-buộc (của luân hồi), đã sống đời sống tâm linh tốt cùng, đã đạt được đỉnh-cao tốt cùng. Ba đó là gì? (1) Đổng (uẩn, tập hợp) giới-hạnh của bậc vô học nhân, (2) đổng thiên-định của bậc vô học nhân, và (3) đổng trí-tuệ của bậc vô học nhân. Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người ... đã đạt được đỉnh-cao tốt cùng.”

(ii) “Này các Tỳ kheo, có được ba phẩm chất khác, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người: là người đã đạt tới kết-cuộc tốt cùng ... đã đạt được đỉnh-cao tốt cùng. Ba đó là gì? (4) Thần thông biến-hóa, (5) thần thông đọc-tâm (của người khác), và (6) thần thông chỉ-dạy (giáo hóa). Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người ... đã đạt được đỉnh-cao tốt cùng.”

(iii) “Này các Tỳ kheo, có được ba phẩm chất khác, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người: là người đã đạt tới kết-cuộc tốt cùng ... đã đạt được đỉnh-cao tốt cùng. Ba đó là gì? (7) Cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), (8) sự hiểu-biết đúng đắn (chánh trí), và (9) sự giải-thoát đúng đắn. Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người ... đã đạt được đỉnh-cao tốt cùng.”

(iv) “Này các Tỳ kheo, có hai phẩm chất, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người: là người đã đạt tới kết-cuộc tốt cùng ... đã đạt được đỉnh-cao tốt cùng. Hai đó là gì? (10) Sự hiểu-biết đích thực (chân trí, minh), và (11) đức-hạnh. Có được hai phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người: là người đã đạt tới kết-cuộc tốt cùng (rốt ráo), đã dành được sự an-toàn tốt cùng thoát khỏi sự trói-buộc (của luân hồi), đã sống đời sống tâm linh tốt cùng, đã đạt được đỉnh-cao tốt cùng.

“Vị trời Brahmā Saṃkumāra, cũng nói lên bài thi kệ này:

“Người giai cấp chiến-sĩ là tốt nhất trong thiên hạ,
Đối với họ chuẩn mực chính là họ tộc.
Nhưng người đã hoàn thiện về chân-trí và đức-hạnh,
Là bậc tốt nhất trong những thiên thần và loài người.”

“Này các Tỳ kheo, bài kệ này đã được đọc tụng một cách hay

khéo bởi vị trời Brahmā Saṃkumāra, không phải bị tụng một cách dờ tệ; nó đã được tụng một cách hay khéo, không phải bị tụng một cách dờ tệ; nó là ích lợi, không phải là hại, và ta chấp thuận nó. Ta cũng nói như vậy:

“Người giai cấp chiến-sĩ là tốt nhất trong thiên hạ,
 Đối với họ chuẩn mực chính là họ tộc.
 Nhưng người đã hoàn thiện về chân-trí và đức-hạnh,
 Là bậc tốt nhất trong những thiên thần và loài người.”

NHÓM 2

SỰ TƯỞNG NIỆM

11 (I) Mahānāma (I)²¹⁵⁶

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người Thích-ca ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) trong Vườn Cây Đa Đề (Banyan, Nigrodha). Bấy giờ, vào dịp đó một số Tỳ kheo đang may một y phục (cà sa) cho đức Thế Tôn, (họ) nghĩ khi may xong y phục, vào cuối ba tháng [ba tháng an cư mùa Mưa, kiết hạ], đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành. Ông Mahānāma (Đại Danh) người tộc (Sakya) nghe được điều này đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, con nghe được: ‘Một số Tỳ kheo đang may một y phục cho đức Thế Tôn, (họ) nghĩ khi may xong y phục, vào cuối ba tháng, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành.’ Thưa Thế Tôn, trong những cách khác nhau chúng con an trú, chúng con nên an trú theo cách nào?”

“Tốt, tốt, này Mahānāma! Điều này phù hợp với chú là một

người họ tộc đến gặp Như Lai và hỏi: ‘Thưa Thế Tôn, trong những cách khác nhau chúng con an trú, chúng con nên an trú theo cách nào?’

“Này Mahānāma, (1) một người có niềm-tin (tín)²¹⁵⁷ sẽ thành công, không phải người không có niềm-tin. (2) Người nỗ-lực (tinh tấn) sẽ thành công, không phải người lười-biếng. (3) Người có sự chánh-niệm được thiết lập sẽ thành công, không phải người có tâm mờ-rối. (4) Người đạt-định sẽ thành công, không phải người không đạt-định. (5) Người có trí sẽ thành công, không phải người vô trí. Sau khi đã thiết lập bản thân trong năm phẩm chất này, chú nên tu tập thêm sáu điều.

(6) “Ở đây, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai như vậy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về sự hiểu-biết trực-tiếp (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào Như Lai. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sáng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sáng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng,²¹⁵⁸ là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp,²¹⁵⁹ người đó tu tập sự tưởng niệm về Đức Phật.

(7) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp như vậy: ‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày khéo

léo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, đáng được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, *dựa vào Giáo Pháp*. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sáng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sáng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về Giáo Pháp.

(8) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn như vậy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh thẳng, đang tu tập cách thức đích thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào tôn kính, là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, *dựa vào Tăng Đoàn*. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sáng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sáng-khoái,

thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về Tăng Đoàn.

(9) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình là không bị sứt mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, không bị đốm đỏ, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định. Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới-hạnh của mình, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào giới-hạnh. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sáng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sáng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về giới-hạnh.

(10) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về tâm bố-thí của mình như vậy: ‘Đây đích thực là phúc lành và lợi lạc của ta rằng, trong quần chúng bị ám muội bởi sự ô-nhiễm của tính keo kiệt, ta sống ở nhà với một cái tâm không bị sự ô-nhiễm của tính keo kiệt, rộng lòng hào hiệp, giang tay giúp đỡ, vui thích sự từ bỏ, tận tâm với việc từ thiện, vui thích sự cho đi và chia sẻ.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về tâm rộng lòng bố-thí của mình, thì trong thời

(gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, *dựa vào tâm bố-thí*. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sáng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sáng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải.} Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về tâm bố-thí.

(11) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về những thiên-thần như vậy: ‘Có những thiên thần [được trị vì bởi] bốn vị vua lớn [tứ đại thiên vương], những thiên thần ở cõi trời Tāvātimsa (Đao-lợi, cõi trời 33), những thiên thần ở cõi trời Yāma (Dạ-ma), những thiên thần ở cõi trời Tusita (Đâu-suất), những thiên thần kiểm soát những thứ được sáng tạo bởi những thiên thần khác (tha hóa tự tại thiên), những thiên thần trong đoàn tùy tùng của trời Brahmā (Phạm thiên), và những thiên thần cao hơn những thiên thần đó.²¹⁶⁰ Trong tôi cũng có loại *niềm-tin* mà những thiên thần đó đã từng có được mà nhờ đó, khi họ qua đời ở đây (cõi người) họ đã được tái sinh (thành thiên thần) trên những cõi đó; trong tôi cũng có loại *giới-hạnh ... sự học-hiểu*²¹⁶¹ ... *tâm rộng lòng bố-thí ... trí-tuệ* mà những thiên thần đó đã từng có được mà nhờ đó, khi họ qua đời ở đây (cõi người) họ đã được tái sinh (thành thiên thần) trên những cõi đó.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, tâm rộng lòng bố-thí, và trí-tuệ, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, *dựa vào những thiên-thần*. {Một đệ tử thánh thiện có

tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sáng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sáng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Đây được gọi là một đệ tử thánh thiện sống trong sự cân bằng giữa quần chúng không cân bằng, là người sống không bị khổ ải giữa quần chúng bị khổ ải. }²¹⁶² Khi người tu đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp, người đó tu tập sự tưởng niệm về những thiên-thần.

12 (2) *Mahānāma* (2)

[*Mở đầu giống hệt kinh kệ 11:11 kể trên, cho đến chỗ:*]

“Này Mahānāma, sau khi đã thiết lập bản thân trong năm phẩm chất này, chú nên tu tập thêm sáu điều.

(6) “Ồ đây, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai như vậy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về sự hiểu-biết trực-tiếp (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào Như Lai. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sáng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sáng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định. Này

Mahānāma, chú nên tu tập sự tưởng-niệm này về Phật khi đang đi, đang đứng, đang ngồi, và đang nằm. Chú nên tu tập nó khi đang làm việc và khi đang sống ở nhà có đầy con cháu.}

(7) “Lại nữa, này Mahānāma, chú nên tưởng niệm về Giáo Pháp ... (8) ... về Tăng Đoàn ... (9) ... về giới-hạnh của mình ... (10) ... về tâm bố-thí ... (11) ... về những thiên-thần như vậy. Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, tâm rộng lòng bố-thí, và trí-tuệ, thì trong thời (gian) đó tâm người đó không bị ám muội bởi tham, sân, hay si; trong thời đó tâm người đó đơn thuần là chánh trực, dựa vào những thiên-thần. {Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh trực thì đạt được niềm cảm-hứng về ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Khi người đó hoan-hỷ, sự sáng-khoái khởi sinh. Đối với người có một cái tâm sáng-khoái, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Người tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (lạc). Đối với người cảm thấy hạnh-phúc, tâm được đạt-định.} Này Mahānāma, chú nên tu tập sự tưởng-niệm này về Phật khi đang đi, đang đứng, đang ngồi, và đang nằm. Chú nên tu tập nó khi đang làm việc và khi đang sống ở nhà có đầy con cháu.}”

13 (3) *Nandiya*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người Thích-ca ở Kapilavattu (Ca-tỳ-la-vệ) trong Vườn Cây Đa Đề (Banyan, Nigrodha). Bảy giờ, lúc đó đức Thế Tôn muốn nhập kỳ an cư Mùa Mưa ở Sāvattī (Xá-vệ). Ông Nandiya người tộc Thích-ca (Sakya) đã nghe điều này, và ý này đã xảy đến với ông: “Tôi cũng sẽ nhập kỳ an cư mùa mưa ở Sāvattī.²¹⁶³ Ở đó tôi sẽ làm công việc làm ăn và thỉnh thoảng sẽ đến gặp đức Thế Tôn.”

Sau đó đức Thế Tôn đã nhập kỳ an cư mùa mưa ở Sāvattī. Ông Nandiya người Thích-ca cũng nhập kỳ an cư mùa mưa ở Sāvattī, ở

đó ông làm công việc làm ăn và thỉnh thoảng đã đến gặp đức Thế Tôn. Bây giờ, vào dịp đó có một số Tỳ kheo đang may một y phục (cà sa) cho đức Thế Tôn, (họ) nghĩ khi may xong y phục, vào cuối ba tháng [ba tháng an cư mùa mưa], đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành. Ông Nandiya người Thích-ca nghe được điều này đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, con nghe được: ‘Một số Tỳ kheo đang may một y phục cho đức Thế Tôn, (họ) nghĩ khi may xong y phục, vào cuối ba tháng, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành.’ Thưa Thế Tôn, trong những cách khác nhau chúng con an trú, chúng con nên an trú theo cách nào?”

“Tốt, tốt, này Nandiya! Điều này phù hợp với chú là một người họ tộc đến gặp Như Lai và hỏi: ‘Thưa Thế Tôn, trong những cách khác nhau chúng con an trú, chúng con nên an trú theo cách nào?’

“Này Nandiya, (1) một người có niềm-tin (tín) sẽ thành công, không phải người không có niềm-tin. (2) Người nỗ-lực (tinh tấn) sẽ thành công, không phải người lười-biếng. (3) Người có sự chánh-niệm được thiết lập sẽ thành công, không phải người có tâm mờ-rối. (4) Người đạt-định sẽ thành công, không phải người không đạt-định. (5) Người có trí sẽ thành công, không phải người vô trí. Sau khi đã thiết lập bản thân trong năm điều này, chú nên thiết lập sự chánh-niệm bên trong về năm điều.

(6) “Ồ đây, này Nandiya, chú nên tưởng niệm về Như Lai như vậy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về sự hiểu-biết trực-tiếp (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Như vậy, chú nên thiết lập sự chánh-niệm ở bên trong như vậy, dựa vào Như Lai.

(7) “Lại nữa, này Nandiya, chú nên tưởng niệm về Giáo Pháp như vậy: ‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày khéo léo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, đáng được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.’ Như vậy, chú nên thiết lập sự chánh-niệm ở bên trong như vậy, *dựa vào Giáo Pháp*.

(8) “Lại nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn như vậy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh thẳng, đang tu tập cách thức đích thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào tôn kính, là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.’ Như vậy, chú nên thiết lập sự chánh-niệm ở bên trong như vậy, *dựa vào Tăng Đoàn*.

(9) “Lại nữa, này Nandiya, chú nên tưởng niệm về những bạn-tốt như vậy: ‘Đây đích thực là phúc lành và lợi lạc của ta khi ta có được những bạn-tốt, những người có lòng bi-mẫn đối với tôi, người muốn điều tốt lành cho tôi, những người khởi xướng và chỉ dạy cho tôi.’ Như vậy, chú nên thiết lập sự chánh-niệm ở bên trong như vậy, *dựa vào những bạn-tốt*.

(10) “Lại nữa, này Nandiya, chú nên tưởng niệm về tâm bố-thí của mình như vậy: ‘Đây đích thực là phúc lành và lợi lạc của ta rằng, trong quần chúng bị ám muội bởi sự ó-nhiễm của tính keo kiệt, ta sống ở nhà với một cái tâm không bị sự ó-nhiễm của tính keo kiệt, rộng lòng hào hiệp, giang tay giúp đỡ, vui thích sự từ bỏ, tận tâm với việc từ thiện, vui thích sự cho đi và chia sẻ. Như vậy, chú nên thiết lập sự chánh-niệm ở bên trong như vậy, *dựa vào tâm bố-thí*.

(11) “Lại nữa, này Nandiya, chú nên tưởng niệm về những thiên-thần như vậy: ‘Những thiên-thần đó đã được tái sinh trong một thân ‘bằng-tâm’ trong số những thiên thần vượt trên những thiên thần sống còn nhờ thức-ăn, họ không nhìn thấy bên trong mình còn điều gì cần phải làm, hay [cần phải] làm thêm điều đã làm xong. Giống như một Tỳ kheo đã được giải-thoát phi thời gian (vĩnh viễn) thì không nhìn thấy bên trong mình còn điều gì cần phải làm, hay [cần phải] làm thêm điều đã làm xong,²¹⁶⁴ điều này cũng tương tự với những thiên-thần đó đã được tái sinh trong một thân ‘bằng-tâm’ trong số những thiên thần vượt trên những thiên thần sống còn nhờ thức-ăn.’²¹⁶⁵ Như vậy, chú nên thiết lập sự chánh-niệm ở bên trong như vậy, dựa vào những thiên-thần.

“Này Nandiya, một đệ tử thánh thiện có được mười một phẩm chất này thì dẹp bỏ những phẩm chất xấu ác bất thiện và không chấp nhận chúng nữa. Giống như một cái chậu được lật úp lại thì không nhận lại nước đã đổ hết ra, và giống như lửa đã bùng cháy không còn chặn được²¹⁶⁶ tiến tới đốt sạch khu rừng khô thì nó không quay trở lại để đốt những thứ đã đốt sạch; cũng giống như vậy, một đệ tử thánh thiện có được mười một phẩm chất này thì dẹp bỏ những phẩm chất xấu ác bất thiện và không chấp nhận chúng nữa.”

14 (4) Tu-Bồ-Đề

Lúc đó có Ngài Tu-bồ-đề (Subhūti) cùng với Tỳ kheo Saddha đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với thầy Tu-bồ-đề:

“Này Tu-bồ-đề, tên Tỳ kheo này là gì?”

“Thưa Thế Tôn, tên thầy ấy là Saddha. Thầy ấy là con trai của một đệ tử tại gia nam được phú cho niềm-tin,²¹⁶⁷ và thầy ấy đã từ bỏ đời sống tại gia để xuất gia vì niềm-tin.”

“Ta hy vọng con trai của một đệ tử tại gia nam được phú cho niềm-tin, Tỳ kheo Saddha, người đã từ bỏ đời sống tại gia để xuất gia vì niềm-tin, sẽ cho thấy những sự thể-hiện của niềm-tin.”²¹⁶⁸

“Đây là thời điểm cho điều đó, thưa Thế Tôn! Đây là thời điểm cho điều đó, thưa bậc Phúc Lành! Mong Thế Tôn hãy giảng giải những sự thể-hiện của niềm-tin. Rồi con sẽ tìm ra rằng Tỳ kheo này sẽ cho thấy sự thể-hiện của niềm-tin hay không.”

“Vậy thì, này Tu-bồ-đề, hãy lắng nghe và chú tâm mỹ càng, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Tu-bồ-đề đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(1) “Ở đây, này Tu-bồ-đề, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới-luật Tỳ kheo], có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. Đây là sự thể-hiện của niềm-tin trong một người được phú cho niềm-tin.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). Đây cũng là một sự thể-hiện của niềm-tin trong một người được phú cho niềm-tin.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo có những bạn tốt, đồng môn tốt, đồng đạo tốt. Đây cũng là một sự thể-hiện của niềm-tin trong một người được phú cho niềm-tin.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo là dễ tu sửa và có những phẩm chất giúp người đó dễ tu sửa; người đó là nhẫn nhịn và nhận lãnh chỉ thị một cách tôn trọng. Đây cũng là một sự thể-hiện của niềm-tin trong một người được phú cho niềm-tin.

(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo là khéo giỏi và siêng năng tham gia làm những công việc này nọ (ở chỗ tu, trong chùa, như những việc Tăng sự, Phật sự...) thay cho các Tỳ kheo khác; người đó có được sự tìm hiểu thích hợp ở đó, và có khả năng thực hiện và sắp xếp mọi thứ một cách phù hợp.

(6) “Lại nữa, một Tỳ kheo yêu mến Giáo Pháp và vui lòng nói về những điều đó (tức những giáo lý; tức vui lòng chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác), tràn đầy niềm-vui cao độ về Giáo Pháp và giới-luật. Đây cũng là một sự thể-hiện của niềm-tin trong một người được phú cho niềm-tin.

(7) “Lại nữa, một Tỳ kheo phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự cố gắng, không lơ lảng bồn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện. Đây cũng là một sự thể-hiện của niềm-tin trong một người được phú cho niềm-tin.

(8) “Lại nữa, một Tỳ kheo nếu muốn, thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng nhập bốn tầng thiên định (sắc giới, jhāna), (bốn tầng thiên định đó) tạo nên phần tâm cao hơn và chúng là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. Đây cũng là một sự thể-hiện của niềm-tin trong một người được phú cho niềm-tin.

(9) “Lại nữa, một Tỳ kheo có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ (*túc mạng minh*) ... [*tiếp tục như kinh 6:02, đoạn (4)*] ... Người đó nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tông quan và chi tiết của chúng như vậy. Đây cũng là một sự thể-hiện của niềm-tin trong một người được phú cho niềm-tin.

(10) “Lại nữa, với (yếu tố) mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (*thiên nhân minh*), một Tỳ kheo có thể *nhìn thấy* những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có ... [*tiếp tục như kinh 6:02, đoạn (5)*] ... và người đó hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình như vậy. Đây cũng là một sự thể-hiện của niềm-tin trong một người được phú cho niềm-tin.

(11) “Lại nữa, một Tỳ kheo, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Đây cũng là một sự thể-hiện của niềm-tin trong một người được phú cho niềm-tin.”

Sau khi lời này được nói ra, thầy Tu-bồ-đề đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, những sự thể-hiện này của niềm-tin trong một người được phú cho niềm-tin mà đức Thế Tôn đã nói ra được thấy có trong vị Tỳ kheo này, và vị này đã thể hiện chúng.

(1) “Thưa Thế Tôn, vị Tỳ kheo này là có giới-hạnh ... tu tập theo những điều luật đó.

(2) “Vị này đã học-hiểu nhiều ... và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến).

(3) “Vị này có những bạn-tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt.

(4) “Vị này là dễ tu sửa và có những phẩm chất giúp người đó dễ tu sửa; người đó là nhẫn nhịn và nhận lãnh chỉ thị một cách tôn trọng.

(5) Vị này là khéo giỏi và siêng năng tham gia làm những công việc này nọ ... và sắp xếp mọi thứ một cách phù hợp.

(6) “Vị này yêu mến Giáo Pháp ... tràn đầy niềm-vui cao độ về Giáo Pháp và giới-luật.

(7) “Vị này đã phát khởi sự nỗ-lực ... không lơ lảng bồn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện.

(8) “Vị này nếu muốn, thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng nhập bốn tầng thiên định ... là những sự an trú hạnh phúc ngay trong kiếp này.

(9) “Vị này có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ ... với những tổng quan và chi tiết của chúng như vậy.

(10) “Vị này có thể nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh ... và người đó hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình như vậy.

(11) “Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, vị Tỳ kheo này, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người này an trú trong đó.

“Thưa Thế Tôn, những sự thể-hiện này của niềm-tin trong một người được phú cho niềm-tin mà đức Thế Tôn đã nói ra được thấy có trong vị Tỳ kheo này, và vị này đã thể hiện chúng.”

“Tốt, tốt, này Tu-bồ-đề! Trong trường hợp đó, này Tu-bồ-đề, thầy có thể sống chung với Tỳ kheo Saddha này, và khi nào thầy muốn gặp Như Lai, thầy có thể rủ thầy ấy đi cùng.”

15 (5) Tâm Từ²¹⁶⁹

“Này các Tỳ kheo, khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ đã được theo đuổi, được tu tập, và được tu dưỡng, được làm thành một cỗ xe (tu thừa) và căn bản, được thực hiện, được củng cố, và được đảm nhận một cách đúng đắn, thì có thể trông đợi mười một ích-lợi. Mười một đó là gì?

(1) “Người tu ngủ ngon; (2) thức dậy sớm; (3) không gặp ác

mộng; (4) làm vui lòng người; (5) làm vui lòng những quỷ thần; (6) được những thiên thần địa thần phù hộ; (7) không bị hại bởi hỏa hoạn, chất độc, và vũ khí; (8) tâm đạt định nhanh chóng; (9) sắc diện tĩnh lặng; (10) chết không bị ngu-mờ (vô si); và (11) nếu không thâm nhập xa hơn nữa, người đó vẫn tiến lên cõi trời brahmā (phạm thiên giới).²¹⁷⁰

“Này các Tỳ kheo, khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ đã được theo đuổi, được tu tập, và được tu dưỡng, được làm thành một cỗ xe (tu thừa) và căn bản, được thực hiện, được củng cố, và được đảm nhận một cách đúng đắn, thì có thể trông đợi mười một ích-lợi này.”

16 (6) *Dasama*²¹⁷¹

Trong một lần đức Ngài Ānanda đang sống ở làng Beluvagāma (Làng Tre) gần Vesālī (Tỳ-xá-ly). Bảy giờ, vào lúc đó có gia chủ tên Dasama từ/ở/người thành phố Aṭṭhaka (Aṭṭhakanagara)²¹⁷² đã đến Pāṭaliputta (Thành Hoa Thị) vì công việc làm ăn. Rồi ông ta đã đến gặp một Tỳ kheo trong khu Vườn Gà và hỏi thầy ấy:

“Thưa thầy, ngài Ānanda đang ở đâu? Tôi muốn gặp ngài ấy.”

“Này gia chủ, thầy ấy đang ở làng Beluvagāma gần Vesālī.”

Sau khi gia chủ Dasama đã xong việc làm ăn ở Pāṭaliputta, ông đã đến chỗ thầy Ānanda ở làng Beluvagāma gần Vesālī. Ông đến kính chào thầy Ānanda, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thầy Ānanda, có một điều (giáo lý, pháp tu) nào được tuyên thuyết một cách đúng đắn bởi đức Thế Tôn, là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, người biết và thấy, để mà, nếu một Tỳ kheo sống chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) thì tâm chưa được giải thoát của người đó sẽ được giải thoát, những ô-nhiễm chưa bị tiêu diệt của người đó sẽ bị tiêu diệt, và người đó chứng ngộ ‘sự an-toàn vô thượng thoát khỏi mọi sự trói-buộc’ chưa được chứng ngộ trước đó?”

“Có, này gia chủ.”

“Và đó là gì?”

(1) “Ồ đây, này gia chủ: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vậy: ‘Tầng thiền định thứ nhất này được tạo tác và tạo ra bởi sự cố-ý. Nhưng thứ gì được tạo tác và tạo ra bởi sự cố-ý đều là vô thường, sẽ bị chấm dứt.’ Nếu người đó vững chắc về điều này, người đó sẽ chứng ngộ sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (quả A-la-hán) vì còn sự tham-muốn đối với Giáo Pháp (pháp dục), vì còn sự thích-thú đối với Giáo Pháp,²¹⁷³ thì, với sự hoàn toàn tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó sẽ thành một bậc tái sinh tự động (thành Bất-lai), rồi từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn) chứ không còn quay lại (thế gian) nữa.

“Đây là một điều được tuyên thuyết một cách đúng đắn bởi đức Thế Tôn, là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, người biết và thấy, để mà, nếu một Tỳ kheo sống chuyên cần ... và người đó chứng ngộ ‘sự an-toàn vô thượng thoát khỏi mọi sự trôi-buộc’ chưa được chứng ngộ trước đó.

(2) “Lại nữa, này gia chủ: ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền)’ ... (3) ... Tầng thiền định thứ ba (Tam thiền)’ ... (4) ... tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền).’ Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vậy: ‘Tầng thiền định thứ tư này được tạo tác và tạo ra bởi sự cố-ý. Nhưng thứ gì được tạo tác và tạo ra bởi sự cố-ý đều là vô thường, sẽ bị chấm dứt.’ Nếu người đó vững chắc về điều

này, người đó sẽ chứng ngộ sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (quả A-la-hán) vì còn sự tham-muốn đối với Giáo Pháp, vì còn sự thích-thú đối với Giáo Pháp, thì, với sự hoàn toàn tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó sẽ thành một bậc tái sinh tự động (thành Bất-lai), rồi từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn) chứ không còn quay lại (thế gian) nữa.

“Đây cũng là một điều được tuyên thuyết một cách đúng đắn bởi đức Thế Tôn, là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, người biết và thấy, để mà, nếu một Tỷ kheo sống chuyên cần ... và người đó chứng ngộ ‘sự an-toàn vô thượng thoát khỏi mọi sự trói-buộc’ chưa được chứng ngộ trước đó.

(5) “Lại nữa, này gia chủ, một Tỷ kheo: ‘Sống bao trùm một phương bằng một cái tâm thẩm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy trên dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó sống với một cái tâm từ-ái, quảng đại, cao thượng, vô lượng, không thù ghét, không ác ý.’ Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vậy: ‘Sự giải-thoát này của tâm bằng tâm-từ là vô thường, sẽ bị chấm dứt.’ Nếu người đó vững chắc về điều này, người đó sẽ chứng ngộ sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (quả A-la-hán) vì còn sự tham-muốn đối với Giáo Pháp, vì còn sự thích-thú đối với Giáo Pháp, thì, với sự hoàn toàn tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó sẽ thành một bậc tái sinh tự động (thành Bất-lai), rồi từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn) chứ không còn quay lại (thế gian) nữa.

“Đây cũng là một điều được tuyên thuyết một cách đúng đắn bởi đức Thế Tôn, là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, người biết và thấy, để mà, nếu một Tỷ kheo sống chuyên cần ... và người đó chứng ngộ ‘sự

an-toàn vô thượng thoát khỏi mọi sự trói-buộc’ chưa được chứng ngộ trước đó.

(6) “Lại nữa, này gia chủ, một Tỷ kheo: ‘Sống bao trùm một phương bằng một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn ... (7) ... với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ ... (8) ... với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả; cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy trên dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó sống với một cái tâm từ-ái, quảng đại, cao thượng, vô lượng, không thù ghét, không ác ý.’ Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vậy: ‘Sự giải-thoát này của tâm bằng tâm-xả là vô thường, sẽ bị chấm dứt.’ Nếu người đó vững chắc về điều này, người đó sẽ chứng ngộ sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (quả A-la-hán) vì còn sự tham-muốn đối với Giáo Pháp, vì còn sự thích-thú đối với Giáo Pháp, thì, với sự hoàn toàn tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó sẽ thành một bậc tái sinh tự động (thành Bất-lai), rồi từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn) chứ không còn quay lại (thế gian) nữa.

“Đây cũng là một điều được tuyên thuyết một cách đúng đắn bởi đức Thế Tôn, là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, người biết và thấy, để mà, nếu một Tỷ kheo sống chuyên cần ... và người đó chứng ngộ ‘sự an-toàn vô thượng thoát khỏi mọi sự trói-buộc’ chưa được chứng ngộ trước đó.

(9) “Lại nữa, này gia chủ, một Tỷ kheo: ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc, với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, một Tỷ kheo chứng nhập và an trú trong trong cảnh xứ (cơ sở) vô biên của không gian (không vô biên xứ).’ Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vậy: ‘Sự chứng đắc cảnh xứ vô biên của không

gian là vô thường, sẽ bị chấm dứt.’ Nếu người đó vững chắc về điều này, người đó sẽ chứng ngộ sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (quả A-la-hán) vì còn sự tham-muốn đối với Giáo Pháp, vì còn sự thích-thú đối với Giáo Pháp, thì, với sự hoàn toàn tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó sẽ thành một bậc tái sinh tự động (thành Bất-lai), rồi từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn) chứ không còn quay lại (thế gian) nữa.

“Đây cũng là một điều được tuyên thuyết một cách đúng đắn bởi đức Thế Tôn, là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, người biết và thấy, để mà, nếu một Tỷ kheo sống chuyên cần ... và người đó chứng ngộ ‘sự an-toàn vô thượng thoát khỏi mọi sự trói-buộc’ chưa được chứng ngộ trước đó.

(10) “Lại nữa, này gia chủ, một Tỷ kheo: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của không gian, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, người đó chứng nhập và an trú trong trong cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ)’ ... (11) ... ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của thức, [nhận thức rằng:] ‘không có gì’, người đó chứng nhập và an trú trong trong cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ)’. Người đó suy xét (trạng thái) này và hiểu nó như vậy: ‘Sự chứng đắc cảnh xứ trống-không là vô thường, sẽ bị chấm dứt.’ Nếu người đó vững chắc về điều này, người đó sẽ chứng ngộ sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (quả A-la-hán) vì còn sự tham-muốn đối với Giáo Pháp, vì còn sự thích-thú đối với Giáo Pháp, thì, với sự hoàn toàn tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), người đó sẽ thành một bậc tái sinh tự động (thành Bất-lai), rồi từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát-niết-bàn) chứ không còn quay lại (thế gian) nữa.

“Đây cũng là một điều được tuyên thuyết một cách đúng đắn bởi đức Thế Tôn, là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, người biết và thấy, để

mà, nếu một Tỷ kheo sống chuyên cần ... và người đó chứng ngộ ‘sự an-toàn vô thượng thoát khỏi mọi sự trói-buộc’ chưa được chứng ngộ trước đó.”²¹⁷⁴

Sau khi điều này được nói ra, gia chủ Dasama người thành phố Atthaka đã thưa với thầy Ānanda:

“Thưa thầy Ānanda, giống như một người đi tìm một cửa vào dẫn tới một kho báu giấu kín trong một lần tìm thấy tất thấy mười một cửa vào cánh dẫn tới kho báu đó; cũng giống như vậy, trong khi con đang tìm một cửa vào dẫn đến sự bất-tử, con đã một lần nghe được tất thấy mười một cửa vào dẫn tới sự bất-tử.²¹⁷⁵ Giống như một người có ngôi nhà có mười một cửa, và khi ngôi nhà bị cháy người đó có thể chạy thoát qua bất kỳ cửa nào trong mười một cửa đó để dẫn tới chỗ an-toàn; cũng giống như vậy, con cũng chạy thoát qua một trong mười một cửa để dẫn tới chỗ bất-tử. Thưa thầy, những người giáo phái khác còn đi tìm (khoản tiền để trả) học phí cho sư thầy của họ, vậy tại sao con không biết cúng dường cho Thầy Ānanda?”

Rồi gia chủ Dasama người thành phố Atthaka mời tập hợp Tăng Đoàn các Tỷ kheo ở Vesālī và (đến từ) Pāṭaliputta, và tự tay ông phục vụ và làm vui lòng những Tỷ kheo với những món ăn ngon khác nhau. Rồi ông dâng cúng cho mỗi Tỷ kheo một bộ y phục và một bộ gồm ba áo cà sa cho thầy Ānanda. Và ông còn cho xây một nơi-ở trị giá năm trăm²¹⁷⁶ (để cúng dường) cho thầy Ānanda.

17 (7) Người Chăn Bò²¹⁷⁷

(I) “Này các Tỷ kheo, có mười một yếu tố, một người chăn bò là không khả năng chăn nuôi một đàn bò. Mười một đó là gì? Ở đây, (1) một người chăn bò không có sự hiểu-biết về thân-sắc; (2) người đó không giỏi khéo về những đặc-tính (hình tướng, tính cách của những con bò?); (3) người đó không trừ bỏ trứng ruồi; (4) người đó không

băng bó vết thương; (5) người đó không xông khói chuồng trại (để đuổi côn trùng); (6) người đó không biết chỗ bãi cạn (để cho đàn bò có thể lội qua sông); (7) người đó không biết thứ nước gì (đàn bò) đã uống; (8) người đó không biết đường (để bò đi); (9) người đó không khéo giỏi về những đồng cỏ (cho bò ăn); (10) người đó vắt sữa khô kiệt; và (11) người đó không có thêm sự tôn trọng những con bò đực là những bò cha và bò dẫn đầu của đàn. Có mười một yếu tố này, một người chăn bò là không khả năng chăn nuôi đàn bò.

— “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có mười một phẩm chất, một Tỳ kheo là không khả năng trưởng thành, tiến bộ, và hoàn thiện trong Giáo Pháp và giới-luật này. Mười một đó là gì? Ở đây, (1) một Tỳ kheo không có sự hiểu-biết về thân-sắc; (2) người đó không thiện khéo về những đặc-tính (hình tướng, tính cách của người tu?); (3) người đó không trừ bỏ trứng ruồi; (4) người đó không băng bó vết thương; (5) người đó không xông khói chuồng trại; (6) người đó không biết chỗ bãi cạn; (7) người đó không biết thứ nước gì mình đã uống; (8) người đó không biết đường đi; (9) người đó không khéo giỏi về những đồng cỏ; (10) người đó vắt sữa khô kiệt; và (11) người đó không có thêm sự kính trọng đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha (sư phụ) và người dẫn dắt của Tăng Đoàn. Có mười một phẩm chất này, một Tỳ kheo là không khả năng trưởng thành, tiến bộ, và hoàn thiện trong Giáo Pháp và giới-luật này.

(1) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không có sự hiểu-biết về thân-sắc? Ở đây, một Tỳ kheo không hiểu được đúng như nó thực là: ‘Tất cả mọi thể-sắc dù là loại nào đều là bốn yếu tố lớn (tứ đại) và thân-sắc có từ bốn yếu tố tứ đại.’ Chính theo cách này một Tỳ kheo không có sự hiểu-biết về thân-sắc.

(2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không thiện khéo về những đặc-tính? Ở đây, một Tỳ kheo không hiểu được đúng như nó thực là: ‘Một người ngu được đặc-trung bởi những hành-động của mình; một

người trí được đặc-trung bởi những hành-động của mình.’ Chính theo cách này một Tỳ kheo là không thiện khéo về những đặc-tính.

(3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không trừ bỏ trứng ruồi? Ở đây, một Tỳ kheo dung dưỡng một ý nghĩ tham-dục đã khởi sinh; người đó không dẹp bỏ nó, xua tan nó, kết thúc nó, và xoa sỏ nó. Người đó dung dưỡng một ý nghĩ ác-ý đã khởi sinh ... một ý nghĩ gây-hại đã khởi sinh ... những trạng thái bất thiện xấu ác mỗi khi chúng khởi sinh; người đó không dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, kết thúc chúng, và xoa sỏ chúng. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không trừ bỏ trứng ruồi.

(4) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không băng bó vết thương? Ở đây, sau khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó nắm giữ những dấu hiệu và đường nét của chúng. Thậm chí, khi người đó để căn-mắt không được phòng hộ, những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (sân) sẽ xâm chiếm người đó, người đó không tu tập sự kiềm-chế đối với mắt; người đó không phòng hộ căn-mắt; người đó không đảm nhận việc kiềm-chế căn-mắt. Sau khi nghe một âm-thanh bằng tai ... Sau khi ngửi một mùi-hương bằng mũi ... Sau khi nếm một mùi-vị bằng lưỡi ... Sau khi cảm nhận một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... Sau khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó nắm giữ những dấu hiệu và đường nét của nó. Thậm chí, khi người đó để căn-tâm không được phòng hộ, những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (sân) sẽ xâm chiếm người đó, người đó không tu tập sự kiềm-chế đối với tâm; người đó không phòng hộ căn-tâm; người đó không đảm nhận việc kiềm-chế căn-tâm. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không băng bó vết thương.

(5) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không xông khói chuông trại? Ở đây, một Tỳ kheo không chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác một cách chi tiết như mình đã nghe được và học được. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không xông khói chuông trại.

(6) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không biết chỗ nước cạn (để vượt qua bờ bên kia)? Ở đây, một Tỳ kheo không thỉnh thoảng đến gặp những Tỳ kheo là những bậc đã học-hiểu nhiều, là những người thừa kế của di sản (tức Phật Pháp), những người thiện thạo về Giáo Pháp, những người thiện thạo về giới-luật, những người thiện thạo về đại-cương (toát yếu kinh điển), và vấn hỏi với họ: ‘Thưa thầy, điều này là sao? Ý nghĩa của điều này là gì?’. Rồi (do vậy người đó không có cơ hội được) những vị thầy đó sẽ khai mở cho người đó những điều chưa được khai mở, làm rõ cho người đó những điều chưa được làm rõ, và xua tan sự bối-rối của người đó về nhiều luận điểm còn làm bối rối. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không biết chỗ nước cạn.

(7) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không biết thứ nước gì mình đã uống? Ở đây, khi Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai đang được chỉ dạy, một Tỳ kheo không đạt được niềm cảm-hứng về ý nghĩa, không đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, không đạt được sự vui mừng hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không biết thứ gì mình đã uống.

(8) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không biết đường đi? Ở đây, một Tỳ kheo không hiểu biết con đường Bát Thánh Đạo đúng như nó thực là. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không biết đường đi.

(9) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không khéo giỏi về những đồng cỏ? Ở đây, một Tỳ kheo không hiểu được bốn nền tảng chánh-niệm đúng nhưng chúng thực là. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không khéo giỏi về những đồng cỏ.²¹⁷⁸

(10) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là vắt sữa khô kiệt? Ở đây, khi những gia chủ đầy niềm-tin (thành tín) mời một Tỳ kheo nhận lấy y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh, một Tỳ kheo nhận lấy một cách không tiết độ (lấy nhiều, vét sạch). Chính theo cách một Tỳ kheo là vắt sữa khô kiệt.

(11) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không có thêm sự kính trọng đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha và người dẫn dắt của Tăng Đoàn? Ở đây, một Tỳ kheo không duy trì những hành-vi từ-ái bằng thân, lời-nói và tâm ở những chỗ chung và chỗ riêng đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha và người dẫn dắt của Tăng Đoàn. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không có thêm sự kính trọng đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha và người dẫn dắt của Tăng Đoàn.

“Có mười một phẩm chất này, một Tỳ kheo là không khả năng trưởng thành, tiến bộ, và hoàn thiện trong Giáo Pháp và giới-luật này.

(II) “Này các Tỳ kheo, có được mười một yếu tố, một người chăn bò là có khả năng chăn nuôi một đàn bò. Mười một đó là gì? Ở đây, (1) một người chăn bò có sự hiểu-biết về thân-sắc; (2) người đó khéo giỏi về những đặc-tính (hình tướng, tính cách của những con bò?); (3) người đó trừ bỏ trứng ruồi; (4) người đó biết băng bó vết thương; (5) người đó xông khói chuồng trại (để đuổi côn trùng); (6) người đó biết chỗ bãi cạn (để cho đàn bò có thể đi qua sông); (7) người đó biết thứ nước gì (đàn bò) đã uống; (8) người đó biết rành đường đi (để bò đi); (9) người đó khéo giỏi về những đồng cỏ (cho bò ăn); (10) người đó không vắt sữa khô kiệt; và (11) người đó có thêm sự tôn trọng những con bò đực là những bò cha và bò dẫn đầu của đàn. Có được mười một yếu tố này, một người chăn bò là có khả năng chăn nuôi đàn bò.

— “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có được mười một phẩm chất, một Tỳ kheo là khả năng trưởng thành, tiến bộ, và hoàn thiện trong Giáo Pháp và giới-luật này. Mười một đó là gì? Ở đây, (1) một Tỳ kheo có sự hiểu-biết về thân-sắc; (2) người đó thiện khéo về những đặc-tính (hình tướng, tính cách của người tu?); (3) người đó trừ

bỏ trứng ruồi; (4) người đó biết băng bó vết thương; (5) người đó xông khói chuồng trại; (6) người đó biết chỗ bãi cạn (để vượt qua bờ bên kia); (7) người đó biết thứ nước gì mình đã uống; (8) người đó biết rành đường đi; (9) người đó khéo giỏi về những đồng cỏ; (10) người đó không vắt sữa khô kiệt; và (11) người đó có thêm sự kính trọng đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha và người dẫn dắt của Tăng Đoàn. Có được mười một phẩm chất này, một Tỳ kheo là có khả năng trưởng thành, tiến bộ, và hoàn thiện trong Giáo Pháp và giới-luật này.

(1) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là có sự hiểu-biết về thân-sắc? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Tất cả mọi thể-sắc dù là loại nào đều là bốn yếu tố lớn (tứ đại) và thân-sắc có từ bốn yếu tố tứ đại.’ Chính theo cách này một Tỳ kheo có sự hiểu-biết về thân-sắc.

(2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là thiện khéo về những đặc-tính? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Một người ngu được đặc-trung bởi những hành-động của mình; một người trí được đặc-trung bởi những hành-động của mình.’ Chính theo cách này một Tỳ kheo là thiện khéo về những đặc-tính.

(3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là trừ bỏ trứng ruồi? Ở đây, một Tỳ kheo không dung dưỡng một ý nghĩ tham-dục đã khởi sinh; người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, kết thúc nó, và xoa sỏ nó. Người đó không dung dưỡng một ý nghĩ ác-ý đã khởi sinh ... một ý nghĩ gây-hại đã khởi sinh ... những trạng thái bất thiện xấu ác mỗi khi chúng khởi sinh; người đó dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, kết thúc chúng, và xoa sỏ chúng. Chính theo cách này một Tỳ kheo là trừ bỏ trứng ruồi.

(4) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là biết băng bó vết thương? Ở đây, sau khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những dấu hiệu và đường nét của chúng. Bởi vì, nếu người đó để

căn-mắt không được phòng hộ, những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (sân) sẽ xâm chiếm người đó, nên người đó tu tập sự kiểm-chế đối với mắt; người đó phòng hộ căn-mắt; người đó đảm nhận việc kiểm-chế căn-mắt. Sau khi nghe một âm-thanh bằng tai ... Sau khi ngửi một mùi-hương bằng mũi ... Sau khi nếm một mùi-vị bằng lưỡi ... Sau khi cảm nhận một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... Sau khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó không nắm giữ những dấu hiệu và đường nét của nó. Bởi vì, nếu người đó để căn-tâm không được phòng hộ, những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (sân) sẽ xâm chiếm người đó, nên người đó tu tập sự kiểm-chế đối với tâm; người đó phòng hộ căn-tâm; người đó đảm nhận việc kiểm-chế căn-tâm. Chính theo cách này một Tỳ kheo là biết băng bó vết thương.

(5) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là xông khói chuồng trại? Ở đây, một Tỳ kheo chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác một cách chi tiết như mình đã nghe được và học được. Chính theo cách này một Tỳ kheo là xông khói chuồng trại.

(6) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là biết chỗ nước cạn (để vượt qua bờ bên kia)? Ở đây, một Tỳ kheo thỉnh thoảng đến gặp những Tỳ kheo là những bậc đã học-hiểu nhiều, là những người thừa kế của di sản (tức Phật Pháp), những người thiện tạo về Giáo Pháp, những người thiện tạo về giới-luật, những người thiện tạo về đại-cương (toát yếu kinh điển), và vấn hỏi với họ: ‘Thưa thầy, điều này là sao? Ý nghĩa của điều này là gì?’ Rồi những vị thầy đó sẽ khai mở cho người đó những điều chưa được khai mở, làm rõ cho người đó những điều chưa được làm rõ, và xua tan sự bối-rối của người đó về nhiều luận điểm còn làm bối rối. Chính theo cách này một Tỳ kheo là biết chỗ nước cạn.

(7) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là biết thứ nước gì mình đã uống? Ở đây, khi Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như

Lai đang được chỉ dạy, một Tỳ kheo đạt được niềm cảm-hứng về ý nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được sự vui mừng hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Chính theo cách này một Tỳ kheo là biết thứ gì mình đã uống.

(8) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là biết rành đường đi? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu biết con đường Bát Thánh Đạo đúng như nó thực là. Chính theo cách này một Tỳ kheo là biết rành đường đi.

(9) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là giỏi khéo về những đồng cỏ? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được bốn nền tảng chánh-niệm đúng nhưng chúng thực là. Chính theo cách này một Tỳ kheo là khéo giỏi về những đồng cỏ.

(10) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không vắt sữa khô kiệt? Ở đây, khi những gia chủ đầy niềm-tin (thành tín) mời một Tỳ kheo nhận lấy y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh, một Tỳ kheo nhận lấy một cách tiết độ (chỉ lấy vừa đủ, không vét sạch). Chính theo cách một Tỳ kheo là không vắt sữa khô kiệt.

(11) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là có thêm sự kính trọng đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha và người dẫn dắt của Tăng Đoàn? Ở đây, một Tỳ kheo biết duy trì những hành-vi từ-ái bằng thân, lời-nói và tâm ở những chỗ chung và chỗ riêng đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha và người dẫn dắt của Tăng Đoàn. Chính theo cách này một Tỳ kheo là có thêm sự kính trọng đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha và người dẫn dắt của Tăng Đoàn.

“Có được mười một phẩm chất này, một Tỳ kheo là có khả năng trưởng thành, tiến bộ, và hoàn thiện trong Giáo Pháp và giới-luật này.”

18 (8) Sự Định Tâm (1)

Lúc đó có một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa.²¹⁷⁹

“Thưa Thế Tôn, có phải một Tỳ kheo có thể: {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức (phi tướng) về đất trong liên hệ với đất; (2) về nước trong liên hệ với nước; (3) về lửa trong liên hệ với lửa; (4) về khí trong liên hệ với khí; (5) về cảnh xứ vô biên của không-gian trong liên hệ với cảnh xứ vô biên của không-gian (không vô biên xứ); (6) về cảnh xứ vô biên của thức trong liên hệ với cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ); (7) về cảnh xứ trống-không trong liên hệ với cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ); (8) về cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức trong liên hệ với cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tướng phi phi tướng xứ); (9) về thế giới này trong liên hệ với thế giới này; (10) về thế giới khác trong liên hệ với thế giới khác; (11) về mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm},²¹⁸⁰ nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức?”

“Người đó có thể, này các Tỳ kheo.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào người đó có thể đạt được một trạng thái định-tâm như vậy?”

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là có nhận thức (tướng) như vậy: ‘Đây (trạng thái này) là bình an, đây là siêu phàm, đó là, sự làm lắng-lặng tất cả mọi hành-vi (hành vi tạo tác; các hành), sự từ-bỏ mọi sự chấp-thủ, sự tiêu-diệt dục-vọng, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, niết-bàn.’ Này các Tỳ kheo, chính theo cách này một Tỳ kheo có thể {đạt được một trạng thái định-tâm như vậy (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức về đất trong liên hệ với đất; (2) về nước trong liên hệ với nước; (3) về lửa trong liên hệ với lửa; (4) về khí trong liên hệ với khí;

(5) về cảnh xứ vô biên của không-gian trong liên hệ với cảnh xứ vô biên của không-gian (không vô biên xứ); (6) về cảnh xứ vô biên của thức trong liên hệ với cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ); (7) về cảnh xứ trống-không trong liên hệ với cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ); (8) về cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức trong liên hệ với cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tướng phi phi tướng xứ); (9) về thế giới này trong liên hệ với thế giới này; (10) về thế giới khác trong liên hệ với thế giới khác; (11) về mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}, nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức.”

19 (9) Sự Định Tâm (2)

Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”.

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, có phải một Tỳ kheo có thể: {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức (phi tướng) về đất trong liên hệ với đất ... (11) về mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}, nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ lưu nhớ trong tâm.”

“Này các Tỳ kheo, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói

điều này:

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có thể {đạt được một trạng thái định-tâm như vậy (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức về đất trong liên hệ với đất ... (11) về mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}, nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức.

“Người đó có nhận thức (tưởng) như vậy: ‘Đây (trạng thái này) là bình an, đây là siêu phàm, đó là, sự làm lắng-lặng tất cả mọi hành-vi (hành vi tạo tác; các hành), sự từ-bỏ mọi sự chấp-thủ, sự tiêu-diệt dục-vọng, sự chán-bỏ, sự chắm-dứt, niết-bàn.’ Chính theo cách này một Tỳ kheo có thể {đạt được một trạng thái định-tâm như vậy (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức về đất ... (11) về mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}, nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức.”

20 (10) Sự Định Tâm (3)

Lúc đó có một số Tỳ kheo đã đến gặp thầy Xá-lợi-phất và chào hỏi qua lại. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và nói với thầy ấy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, có phải một Tỳ kheo có thể: {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức (phi tưởng) về đất trong liên hệ với đất ... (11) về mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}, nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức?”

[*Tiếp tục phần còn lại giống hết kinh 11:18 ở trên.*]

21 (11) Sự Định Tâm (4)

Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các đạo hữu, có phải một Tỳ kheo có thể: {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức (phi tưởng) về đất trong liên hệ với đất ... (11) về mọi thứ được nhìn thấy, nghe thấy, cảm nhận, nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được xem xét bởi cái tâm}, nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức?”

“Này đạo hữu, chúng tôi từ xa đến đây để học ý nghĩa của điều này từ Ngài Xá-lợi-phất. Sẽ tốt lành nếu thầy Xá-lợi-phất làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ thầy Xá-lợi-phất, các Tỳ kheo sẽ lưu giữ nó trong tâm.”

“Này các đạo hữu, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Tôi sẽ nói.”

“Dạ, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

[Tiếp tục phần còn lại giống hệt kinh 11:19 ở trên.]

NHÓM 3

TƯƠNG TỰ

22 (1) – 29 (8) Quán Sát Sự Vô Thường

(I) “Này các Tỳ kheo, có mười một yếu tố, một người chăn bò là không khả năng chăn nuôi một đàn bò. Mười một đó là gì? Ở đây, (1) một người chăn bò không có sự hiểu-biết về thân-sắc; (2) người đó không giỏi khéo về những đặc-tính (hình tướng, tính cách của những con bò?); (3) người đó không trừ bỏ trứng ruồi; (4) người đó không băng bó vết thương; (5) người đó không xông khói chuồng trại (để

đuôi côn trùng); (6) người đó không biết chỗ bãi cạn (để cho đàn bò có thể lội qua sông); (7) người đó không biết thứ nước gì (đàn bò) đã uống; (8) người đó không biết đường (để bò đi); (9) người đó không khéo giỏi về những đồng cỏ (cho bò ăn); (10) người đó vắt sữa khô kiệt; và (11) người đó không có thêm sự tôn trọng những con bò đực là những bò cha và bò dẫn đầu của đàn. Có mười một yếu tố này, một người chăn bò là không khả năng chăn nuôi đàn bò.

— “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có mười một phẩm chất này, một Tỳ kheo là không khả năng sống quán sát sự vô-thường trong mắt ... là không khả năng sống quán sát sự khổ trong mắt ... là không khả năng sống quán sát sự vô-ngã trong mắt ... là không khả năng sống quán sát sự hoại-diệt trong mắt ... là không khả năng sống quán sát sự biến-mất trong mắt ... là không khả năng sống quán sát sự chám-dứt trong mắt ... là không khả năng sống quán sát sự từ-bỏ trong mắt ...”

30 (9) — 69 (48)

“ ... trong tai ... trong mũi ... trong lưỡi ... trong thân ... trong tâm ...”

31 (49) — 117 (96)

“ ... trong những hình-sắc ... trong những âm-thanh ... trong những mùi-hương ... trong những mùi-vị ... trong những đối-tượng chạm xúc ... trong những hiện-tượng ...”

118 (97) — 165 (144)

“ ... trong thức-mắt ... trong thức-tai ... trong thức-mũi ... trong

thức-lưỡi ... trong thức-thân ... trong thức-tâm ...”

166 (145) – 213 (192)

“ ... trong tiếp-xúc (bởi, với) mắt ... trong tiếp-xúc tai ... trong tiếp-xúc mũi ... trong tiếp-xúc lưỡi ... trong tiếp-xúc thân ... trong tiếp-xúc tâm ...”

214 (193) – 261 (240)

“ ... trong cảm-giác (thọ) được sinh ra bởi tiếp-xúc (bởi, với) mắt ... trong cảm-giác được sinh ra bởi tiếp-xúc tai ... trong cảm-giác được sinh ra bởi tiếp-xúc mũi ... trong cảm-giác được sinh ra bởi tiếp-xúc lưỡi ... trong cảm-giác được sinh ra bởi tiếp-xúc thân ... trong cảm-giác được sinh ra bởi tiếp-xúc tâm ...”

215 (241) – 309 (288)

“ ... trong nhận-thức (tưởng) về những hình-sắc ... trong nhận-thức về những âm-thanh ... trong nhận-thức về những mùi-hương ... trong nhận-thức về những mùi-vị ... trong nhận-thức về những đối-tượng chạm xúc ... trong nhận-thức về những hiện-tượng ...”

310 (289) – 367 (336)

“ ... trong sự cố-ý (hành) đối với những hình-sắc ... trong sự cố-ý đối với những âm-thanh ... trong sự cố-ý đối với những mùi-hương ... trong sự cố-ý đối với những mùi-vị ... trong sự cố-ý đối với những đối-tượng chạm xúc ... trong sự cố-ý đối với những hiện-tượng ...”

368 (337) — 405 (384)

“ ... trong dục-vọng (ái) đối với những hình-sắc ... trong dục-vọng đối với những âm-thanh ... trong dục-vọng đối với những mùi-hương ... trong dục-vọng đối với những mùi-vị ... trong dục-vọng đối với những đối-tượng chạm xúc ... trong dục-vọng đối với những hiện-tượng ...”

406 (385) — 405 (432)

“ ... trong ý-nghĩ (tâm) về những hình-sắc ... trong ý-nghĩ về những âm-thanh ... trong ý-nghĩ về những mùi-hương ... trong ý-nghĩ về những mùi-vị ... trong ý-nghĩ về những đối-tượng chạm xúc ... trong ý-nghĩ về những hiện-tượng ...”

454 (433) — 501 (480)

“ ... trong sự soi-xét (tứ) về những hình-sắc ... trong sự soi-xét về những âm-thanh ... trong sự soi-xét về những mùi-hương ... trong sự soi-xét về những mùi-vị ... trong sự soi-xét về những đối-tượng chạm xúc ... trong sự soi-xét về những hiện-tượng ...”

502 (481) — 981 (960)

(II) “Này các Tỳ kheo, có được mười một yếu tố, một người chăn bò là có khả năng chăn nuôi một đàn bò.²¹⁸¹ Mười một đó là gì? Ở đây, (1) một người chăn bò có sự hiểu-biết về thân-sắc; (2) người đó khéo giỏi về những đặc-tính (hình tướng, tính cách của những con bò?); (3) người đó trừ bỏ trứng ruồi; (4) người đó biết băng bó vết thương; (5) người đó xông khói chuồng trại (để đuổi côn trùng); (6) người đó biết chỗ bãi cạn (để cho đàn bò có thể đi qua sông); (7) người

đó biết thứ nước gì (đàn bò) đã uống; (8) người đó biết rành đường đi (để bò đi); (9) người đó khéo giỏi về những đồng cỏ (cho bò ăn); (10) người đó không vắt sữa khô kiệt; và (11) người đó có thêm sự tôn trọng những con bò đực là những bò cha và bò dẫn đầu của đàn. Có được mười một yếu tố này, một người chăn bò là có khả năng chăn nuôi đàn bò.

— “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có được mười một phẩm chất này, một Tỳ kheo là có khả năng sống quán sát sự vô-thường trong mắt [Tất cả từ trên xuống tương tự như phần (I) ở trên, cho tới câu cuối:] ... là có khả năng sống quán sát sự từ-bỏ trong sự soi-xét (tâm) về những hiện-tượng ...”

NHÓM 4

NHÓM “THAM” LẬP LẠI & TÓM LƯỢC²¹⁸²

982 (I)²¹⁸³

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết* về tham, mười một điều (trạng thái) cần được tu tập. Mười một đó là gì? Tầng thiền định thứ nhất, tầng thiền định thứ hai, tầng thiền định thứ ba, tầng thiền định thứ tư; sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ, sự giải-thoát của tâm bằng tâm-bi, sự giải-thoát của tâm bằng tâm-(tùy)-hỷ, sự giải-thoát của tâm bằng tâm-xả; cảnh xứ vô biên của không gian (không vô biên xứ), cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ), cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ). Để có *sự trực-tiếp biết* về tham, mười một điều (trạng thái) này cần được tu tập.”

983 (2) — 991 (10)

“Này các Tỳ kheo, để có sự hoàn-toàn hiểu về tham ... sự phá-sạch tham ... sự dẹp-bỏ tham ... sự tiêu-diệt tham ... sự biến-mất tham ... sự phai-biến tham ... sự chấm-dứt tham ... sự buông-bỏ tham ... sự từ-bỏ tham ... , mười một điều (trạng thái) này cần được tu tập.”

992 (11) — 1151 (170)

“Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết ... sự hoàn-toàn hiểu ... sự phá-sạch ... sự dẹp-bỏ ... sự tiêu-diệt ... sự biến-mất ... sự phai-biến ... sự chấm-dứt ... sự buông-bỏ ... sự từ-bỏ sâu ... si ... sự tức-giận ... sự hung-bạo ... sự chê-bai ... sự hỗn-xược ... sự ganh-ty ... sự ti-tiện ... sự lừa-dối ... sự mưu-mẹo ... sự bướng-bỉnh ... sự thái-quá (quá đáng, quá lớn, dữ dội) ... sự tự-ta (ngã mạn) ... sự kiêu-ngạo ... sự nhiễm-độc ... sự lơ-tâm phóng dật ... , mười một điều (trạng thái) này cần được tu tập.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và hoan hỷ với lời dạy của đức Thế Tôn.

—HẾT QUYỂN 11—

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH AN & CHÚ GIẢI CHÍNH:

AN *Anguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi*

Be: *phiên bản tiếng Miến Điện (= Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka, bản điện tử)*

Ee: *phiên bản tiếng Anh (ấn bản PTS)*

Ce: *phiên bản Tích Lan (= Buddha Jayanti Tripitaka Series, bản in giấy)*

Mp *Manorathapūraṇī: Luận Giảng Bộ Kinh AN*

Mp-ṭ *Manorathapūraṇī-ṭīkā: Tiểu Luận Giảng Bộ Kinh AN*

NDB = Numerical Discourses of Buddha: bản dịch Pali-Anh của **AN** bởi Tỳ Kheo Bồ-Đề.

SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pāli-Anh các bộ kinh Nikāya bởi nhà sư Ajahn Sujato.

► Lưu Ý: Khi chữ **Be** và **Ce** được dùng để chỉ phiên bản của luận giảng **Mp**, là chúng tương ứng chỉ ấn bản *Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka* bản điện tử 4.0 (dựa trên phiên bản Miến Điện và được ấn hành bởi Viện Nghiên Cứu Thiền Minh Sát Igatpuri, Ấn Độ) và ấn bản Tích Lan *Simon Hewavitarne Bequest* (1923–31). Nếu chỉ ghi **Mp** không thôi thì đó là luận giảng **Mp** thuộc ấn bản điện tử của *Chaṭṭha Saṅgāyana*.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: *Vi Diệu Pháp Tạng*

* **AN** = *Anguttara Nikāya: Bộ Kinh Theo Số Tăng* (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Dhs*

Dhp = Dhammapada: *tập Kinh Pháp Cú* (thuộc **KN**)

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Dhp*

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: **Bộ Pháp Tụ** (thuộc **Abhi**)

* **DN** = Dīgha Nikāya: *Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: *tập Kinh Phật Tự Thuyết* (thuộc **KN**)

It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập It*

Ja = Jātaka: *tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật* (thuộc **KN**)

Khp = Khuddakapāṭha: *tập Kinh Tiểu Tụng* (thuộc **KN**)

* **KN** = Khuddaka Nikaya: *Bộ Kinh Ngắn* (Tiểu Kinh Bộ)

Mil = Milindapanha: *tập kinh Milinda Vấn Đáp* (thuộc **KN**)

* **MN** = Majjhima Nikāya: *Bộ Kinh Vừa* (Trung Kinh Bộ)

Mp = Manorathapūraṇī: *Chú Giải bộ AN*

Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc **KN**)

Nidd I = Mahā-niddesa: *tập Đại Diễn Giải* (Đại Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Nidd II = Cūḷa-niddesa: *tập Tiểu Diễn Giải* (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Paṭis = Paṭisambhidāmagga: *tập Con Đường Phân Biệt* (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc **KN**)

Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Paṭis*

Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc **KN**)

Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Sn*

Pp = Puggalapannatti: *bộ Phân Định Cá Nhân* (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc **Abhi**)

Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Pp*

Ps = Papancaśūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ MN*

Pv = Petavatthu: *tập Chuyện Quỷ Đói* (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc **KN**)

* **SN** = Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Trương Ưng Kinh Bộ)

Sn = Suttanipāta: *tập Kinh Tập* (thuộc **KN**)

Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): *Chú Giải Luật Tạng*

Sv = Sumaogalavilāsini (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ kinh DN*

Sv-pt = Sumaogalavilāsini-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): *Tiểu Chú*

Giải bộ kinh DN (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: *tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ* (thuộc **KN**)

Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Th*

Thī = Therīgāthā: *tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ* (thuộc **KN**)

Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): *Chú Giải tập Thī* (bản 1998)

Ud = Udāna: *tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy* (thuộc **KN**)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Ud*

Vibh = Vibhaṅga: *Bộ Phân Tích* (thuộc **Abhi**)

Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): *Chú Giải bộ Vibh*

Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): *Tiểu Chú Giải tập Vibh* (phiên bản Miến Điện)

Vin = Vinaya: *Luật Tạng* (Rõ Luật)

Vism = Visuddhimagga: *Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH:

BL = Buddhist Legends: *Những Huyền Thoại Phật Giáo* (của học giả Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: *Cẩm Nang Vi Diệu Pháp* (của Tỳ Kheo Bò-Đề)

EV I = Elders' Verses I: *Trưởng Lão Thi Kệ I* (của Norman)

EV II = Elders' Verses II: *Trưởng Lão Thi Kệ II* (của Norman)

GD = Group of Discourse: *tập Kinh Tập II* (của Norman)

Germ Tr = *Bản dịch SN tiếng Đức* (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: *Bản dịch tiếng Anh của SN* (bởi Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của DN* (bởi học giả Walshe)

MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của*

MN (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

Ppn = Path of Purification: *bản dịch Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

SN-Anth = “Saṃyutta Nikāya: An Anthology”: *Tuyển tập các kinh thuộc SN* (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC:

CPD = Critical Pāli Dictionary: *Tự Điển Pāli Phê Bình* (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch)

CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: *Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ứng A-hàm Hán Tạng* (của Enomoto)

DPPN: *Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli* (của Malalasekera)

MW = Monier-Williams’ Sanskrit-English Dictionary: *Tự Điển Phạn-Anh* (của Monier-William)

PED = Pāli-English Dictionary: *Tự Điển Pāli-Anh* (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC:

BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: *Chữ Lai Phạn trong Phật giáo*

BPS = Buddhist Publication Society: *Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan*

C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiên sĩ học giả dịch giả Rhys Davids)

PTS = Pali Text Society (Hội Kinh Điển Pali)

Skt = Sanskrit: tiếng Phạn

VĀT = Vanarata Ānanda Thera: *Trưởng Lão Vanarata Ānanda*

► Lưu Ý: Những số hiệu của các kinh Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBD) là ghi *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**. Còn các số hiệu kinh **DN**, **MN**, và **Ja** kèm theo *số kinh* sau đó là chỉ toàn bộ kinh đó. Các số trang dẫn chiếu tới **Vism** cũng được ghi kèm theo bằng *số chương* và *số đoạn* của **Ppn**. Mặc dù những số hiệu tham chiếu về các luận giảng cũng theo *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**, có lúc tôi phải

quyết định chọn ghi bằng cách chuyển đổi từ **Be** hay **Ce** thông qua bảng chuyển đổi tương ứng của các giảng luận Pāli của PTS (*Pāli Aṭṭhakathā Correspondence Tables*)

CHÚ THÍCH

2137 [Đây là kinh song hành của kinh **10:01**. Chỉ khác nhau một chút là tách ‘*sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ*’ (*nibbidā-virāga*) ra thành 02 điều (10) và (11).] (2199)

2138 (Trong bản dịch Việt tất cả các kinh, chữ “*kính chào*” là chữ **dịch chung**, đồng nghĩa với các chữ: “*lễ chào, đánh lễ, kính lễ, kính lạy, lạy chào, xá chào, hay cúi chào...*” tùy theo mỗi tình huống khác nhau, thường là với hai tay chắp lại đặt lên trán, trên sớng mũi, hay trên ngực. Còn nếu có tình huống là “*quỳ lạy*” thì chỗ đó sẽ dịch rõ tư thế “*quỳ lạy*”).

2139 [Đây là kinh song hành của kinh **10:02**. (Coi thêm hai chú thích ở kinh đó).] (2200)

2140 [Đây là kinh song hành của kinh **10:03**.] (2201)

2141 [Đây là kinh song hành của kinh **10:88**.] (2202)

2142 [Chỗ này **Ce** và **Ee** ghi động từ số ít là *vodāyati*, khác với **Be** ghi động từ số nhiều là *vodāyanti*. **Ee** có ghi trong một chú thích của nó rằng tất cả những bản gốc chép tay đều ghi là *vodāyanti*.

- Chỗ này ở kinh **10:88** có chú thích như vậy: [Theo **Ce**, **Be**, và **Mp** [của **Ce** và **Be**] tôi đọc chỗ này là *saddhammassa na vodāyanti*. **Ee** ghi động từ số ít là *vodāyati*, nhưng một ghi chú của **Ee** có nói rằng những bản gốc viết tay đều ghi là *vodāyanti*. Chữ *saddhammassa* nên được ghi đúng lại là *saddhammā assa*. **Mp** giải thích: “*Những phẩm chất tốt của giáo lý, bao gồm trong ba phần tu tập (giới, định, tuệ), không được làm sáng bóng vì người đố*” (*sikkhāttayasāṅkhātā sāsanasaddhammā assa vodānaṃ na gacchanti*). (Có lẽ theo nghĩa là: nếu người tu là thiện tu và tu tiến thì những phẩm chất của giáo lý càng được sáng ngời; còn những người tu là tà tu và sa sút thì những phẩm chất của giáo lý sẽ bị làm lu mờ).] (2203)

2143 [Đây là kinh song hành của kinh **10:06** được mở rộng thêm điều (11), và được thêm phần sau trong đó thầy Ānanda đi thảo luận lại chủ-đề đó với thầy Xá-lợi-phất và cũng nhận được sự trả lời giống Phật. Lưu ý rằng: kế tiếp kinh **10:06** là kinh **10:07** trong đó thầy Xá-lợi-phất đã trả lời câu hỏi theo cách khác với Phật [nhưng cũng nói về cùng trạng thái định-tâm đó], còn trong kinh **11:07**

này thì thầy Xá-lợi-phất đã trả lời giống Phật.] (2204)

2144 (Chỗ này kinh **10:06** có chú thích như vậy: [**Mp** giải thích câu này là: “Người đó sẽ không lấy đất là đối-tượng và không nhận thức thông qua nhận-thức đã khởi sinh là ‘đất’.” Đường như câu này phủ định có một tầng thiền định sắc-giới (*jhāna*) dựa trên đối-tượng thiền (*kasīna*) là đất. Giải thích tương tự đối với những *kasīna* là nước, lửa, và khí. Ý này đã được xác nhận bởi 04 bước tiếp theo, cũng phủ định luôn 04 tầng chứng đắc vô-sắc giới. Nói cách khác, sự định-tâm này không phải là một tầng thiền định sắc-giới dựa trên những *kasīna* (đất, nước, lửa, khí) cũng không phải là những tầng chứng đắc vô-sắc giới.] (1968).)

2145 (Do nội dung câu hỏi dài nên người dịch Việt đánh dấu trong ngoặc {...} để người đọc dễ thấy.)

2146 (Chỗ này kinh **10:06** có chú thích như vậy: [**Mp** nhận dạng đây là sự (trạng thái) định-tâm của sự chứng thánh quả (*phalasangāpatti*). Sự chứng đắc này không phải là thánh quả xảy ra lập tức trong vài khoảnh-khắc (sát-na) sau thánh đạo, mà là một trạng thái thiền định đặc biệt chỉ có thể tiếp cận được bởi những người đã chứng đắc một trong 04 thánh đạo và thánh quả theo nó. Sự chứng đắc này, như được thấy trong bài kinh này, không lấy bất kỳ đối-tượng thiền thể tục có điều-kiện (hữu vi) nào làm sự trợ giúp cho nó; sự trợ giúp của nó là Niết-bàn không còn điều-kiện (vô vi), được trải nghiệm trực tiếp và tức thì. Các luận giảng thì cho rằng sự chứng đắc này được xếp loại là bốn-tầng theo bốn giai đoạn chứng đắc [từ Nhập-lưu đến A-la-hán].] (1969).)

2147 [Phần từ chỗ này đến cuối: **Ce** và **Be** thì vẫn ghi như vậy, nhưng **Ee** thì tách thành một kinh riêng, và đánh số là kinh số **8**. Như vậy từ chỗ này trở đi cách đánh số kinh của nó là hơn **Ce** và **Be** một số. Câu cuối cùng, tán thán sự giống nhau về cách giảng giải của Phật và của thầy Xá-lợi-phất, cho thấy cả hai phần đúng là nằm trong cùng một kinh **11:07** (nên cách của **Ce** và **Be** là hợp lý và chính xác). Ngược lại, trong quyển trước, hai kinh **10:06** và **10:07** là 02 đối thoại về cùng chủ-đề sự định-tâm này giữa thầy Ānanda với Phật và giữa thầy Ānanda với thầy Xá-lợi-phất nhưng không có câu nói để nối 02 kinh đó thành một kinh (vì trong kinh **10:07** thầy Xá-lợi-phất trả lời theo cách khác với Phật).] (2205)

2148 [**Mp** nhận định *trạng thái bậc nhất* (*aggapada*) ở đây là niết-bàn.] (2206)

2149 [Bằng cách tính các căn cảm-nhận (giác quan) và những đối-tượng của

nó, kinh này có chứa hơn 11 điều. Nhưng để giữ nó là kinh ‘11-điều’, tôi bắt đầu đánh số từ yếu tố “đất”.] (2207)

2150 [Be thì ghi tên là Saddha.] (2208)

2151 [Nguyên văn câu này: *Jhāyati pajjhāyati nijjhāyati avajjhāyati*. Giống như trong kinh **6:46** cũng có câu này, giọng kinh theo nghĩa chế nhạo. (Coi chú thích thứ hai ở đoạn (1), kinh **6:46** đó).] (2209)

2152 [Nguyên văn hai câu cuối: *Yassa te nābhijānāma, yampi nissāya jhāyasi*. Coi kinh **MN 22.36** có ghi: “Khi những thiên thần cùng với vị trời Indra, vị trời Brahmā, và vị trời Pajāpati tìm kiếm một Tỷ kheo đã được giải-thoát trong tâm như vậy, họ không tìm thấy thứ mà thức của một người chứng ngộ như vậy dựa vào đó. Vì sao như vậy? Ta nói người đã chứng ngộ như vậy là không thể truy dấu được ngay cả trong kiếp này” (*evaṃ vimuttacittam kho, bhikkhave, bhikkhum sa-indā devā sabrahmakā sapajāpatikā anvesam nādhigacchanti ‘idaṃ nissitam tathāgatassa viññānan’ ti. Tam kissa hetu? Diṭṭ’ evāhaṃ, bhikkhave, dhamme tathāgataṃ ananuvijjo ti vadāmi*).] (2210)

2153 [Nguyên văn câu này: *Paṭhaviyaṃ paṭhavisāññā vibhūta hoti*. **Mp** giải nghĩa chữ *vibhūta* ở đây là *pākaṭa* (rõ thấy, rõ chứng, rõ rệt), giải thích rằng: “Những nhận-thức của 04 hay 05 tầng thiên định sắc-giới (jhāna) đã khởi sinh cùng (yếu tố) đất, nước, nhiệt, khí... là đối-tượng rõ thấy ... bởi vì chúng được nhìn thấy bằng sự minh-sát là vô-thường, khổ, và vô-ngã.” **Mp** cố ủng hộ cách diễn dịch này với sự trích dẫn một câu trong một kinh (?) nào đó là: *vibhūtā, bhante, rūpasāññā avibhūtā aṭṭhikasāññā*. Tuy nhiên, bằng cách tìm soát bằng công nghệ máy tính **CST 4.0** chúng tôi không thấy câu này trong bất cứ kinh nào trong toàn kinh tạng Nikāya. Theo chỗ tôi hiểu biết, trong các kinh bộ Nikāya thì chữ *vibhūta* luôn có nghĩa là “*đã biến mất, đã biến đi*”. Coi cách sự diễn tả *vibhūtasāññā* trong kinh **Sn 874**, và cách diễn tả *vibhūtarūpasāññissa* trong kinh **Sn 1113**, trong đó cả hai trường hợp chữ *vibhūta* chỉ có thể có nghĩa là “*đã biến mất*”. Như vậy không có lý do gì phải gán ghép nghĩa khác cho nó ở đây. Bản tương đương trong Hán tạng, **SĀ 926** (ở **T II 235c26–236b11**), cũng ủng hộ kết luận này. Lấy yếu tố đất làm ví dụ (như ở đoạn **II 236a27**), kinh đó ghi là: “*Một Tỷ kheo có khả năng không chế nhận-thức về đất trong liên hệ với nhận-thức về đất*” (比丘於地想能伏地想). Liệu cái chữ 想 nằm giữa câu như vậy là vô nghĩa vô có đến nỗi chúng ta nên đọc thành 比丘於地能伏地想 hay sao?] (2211)

2154 [**Mp** giải thích chỗ này là: “Người đó thiên trú bằng sự chứng đắc thánh

quả có được nhờ đã vượt qua theo cách này thông qua chuỗi minh-sát tuệ” (*evam vipassanāpaṭipāṭiyā āgantvā uppāditāya phalasamāpattiyā jhāyanto*.)] (2212)

2155 [Kinh này là kết hợp 03 kinh **3:143**, **3:144**, **3:145** thành một (tương ứng các đoạn (i), (ii), (iii) người dịch đã đánh số, và (iv) thêm hai điều nữa để thành kinh ‘11-điều’. Như vậy nó là một dạng kinh ‘11-điều kết hợp’.

- Công thức về A-la-hán cũng được nói trong kinh **7:61**. **Mp** giải thích “*kết-cuộc rớt ráo*” (*accantaniṭṭho*) như vậy: “Kết-cuộc của người đó là niết-bàn bất khả hủy; đây được gọi là ‘rớt ráo’ hay ‘tột cùng’ (*accanta*) bởi vì nó vượt trên sự kết-thức (*antaṃ atītattā*).”] (2213)

2156 [Kinh này có một phần song hành với kinh **6:10**.] (2214)

2157 (Trong toàn bộ kinh, chữ *niềm-tin* (tín) ở đây là niềm tin hay lòng tin vào Đức Phật, Giáo Pháp, Tăng Đoàn; nó cũng hàm nghĩa là niềm-tin đúng đắn (chánh tín); năng lực niềm-tin: căn tín; người tu theo niềm-tin là căn trụ của mình thì được gọi là người căn-tín.)

2158 (Kinh song hành **6:10**, đoạn (1), có chú thích câu này như vậy: [Nguyên văn câu cuối này: *Visamagatāya pajāya samappatto*. **Mp** giải thích: “Giữa những chúng sinh đã bị mất cân bằng (*visamagatesu*) bởi tham, sân, si, người đó chứng đắc sự bình an và bình lặng (*samaṃ upasamaṃ patto hutvā*).” Từ cách giải nghĩa này cho thấy **Mp** coi chữ Pāli *sama* là đồng nghĩa với chữ *sama* trong tiếng Phạn [bình an]. Nhưng do lời kinh có thiết lập sự tương phản giữa trạng thái *visama* [không cân bằng, mất cân bằng, mất thăng bằng, hoặc không chân chính, không đúng đắn] là bản chất cách sống của người phạm tục và trạng thái *sama* mà bậc thánh tu chứng được, thì đúng hơn rằng chữ Pāli *sama* là tương ứng với chữ *sama* trong tiếng Phạn (không phải *sama*). Hai bản kinh tương đương trong Hán tạng cũng ủng hộ nghĩa này. Trong luận giảng Hán tạng **SĀ² 156**, chỗ **T II 432c15–16**, có ghi: 怨家及己親族。於此二人。無怨憎想。心常平等 (*Dù đối với kẻ thù hay người thân thuộc, người tu đều không có ý nghĩ hung bạo mà tâm luôn được cân bằng*). Luận giảng khác của Hán tạng **T 1537.8**, chỗ **T XXVI 492c13–15**, có ghi 於不平等 諸有情類。得住平等。於有惱害 諸有情類。住無惱害 (*Giữa những chúng sinh mất cân bằng, người đó đạt được sự cân bằng; giữa những chúng sinh khổ ải, người đó sống không khổ ải*). Cho dù trái với cách hiểu của **Mp** về chữ *sama*, cách diễn dịch này cũng xác thực được nghĩa của bài kinh.] (1258).

2159 (Kinh song hành **6:10**, đoạn (1), có chú thích như vậy: [*Dhammasotaṃ samāpanno*. **Mp** giải nghĩa là: “Người đó đã chứng nhập vào dòng chảy của Giáo Pháp gồm có minh-sát tuệ”. Vì cách diễn đạt tiếng Pāli dễ dàng hiểu được đó là nói về trí của thánh đạo (*sotāpanna*), nên tôi không hiểu tại sao **Mp** dịch chữ *dhammasota* thành minh-sát (*vipassanā*) thay vì nghĩa là thánh đạo (*ariyamagga*). Trong kinh **SN 55:5** (quyển 5), chữ *sota* được dùng như một ẩn dụ để chỉ Bát thánh đạo.] (1259).)

2160 (Kinh song hành **6:10** có chú thích chỗ này như vậy: [Sáu loại đầu là những thiên thần thuộc sáu cõi trời dục-giới. *Những thiên thần thuộc đoàn tùy tùng của trời Brahmā (brahmakāyikā devā)* là những thiên thần của cõi trời Brahmā (phạm thiên giới) đó. Còn “*những thiên thần cao hơn những thiên thần đó*” là những thiên thần bậc cao hơn ở những cõi trời sắc-giới và vô-sắc giới.] (1260).)

2161 (Sự “*học-hiểu*” (học thức) được dịch Việt trong các kinh có nghĩa là: học, học biết, học hiểu về những giáo lý, kinh, luật... nhưng không nhất thiết đồng nghĩa với chữ “*hiểu được ý-nghĩa*” hay các thuật ngữ “*hoàn-toàn hiểu*” (liễu tri), “*trực-tiếp biết*” (tự trí, thấy biết).)

2162 (Những đoạn lời mẫu người dịch Việt đánh dấu trong ngoặc {...} là giống nhau; kinh gốc ghi đầy đủ trong các đoạn (6)-(11) như vậy chứ không ghi tóm lược từ sau đoạn dẫn đầu... như thường thấy trong các kinh khác; (trong kinh song hành **6:10** cũng ghi đầy đủ như vậy). Người dịch Việt nghĩ đó là dụng ý của những thánh tăng kết tập, vì sự tưởng-niệm nào cũng quan trọng và để khi có ai muốn giảng giải về một sự tưởng-niệm nào thì ở đó có sẵn nguyên văn đầy đủ để giảng giải.

- Nhưng ở kinh sau **11:12** thì các đoạn từ (7)-(10) chỉ ghi giản lược bằng tên của các chủ-đề tưởng niệm, do từ đầu nó cũng đã ghi tóm lược từ kinh đầy đủ trước nó.)

2163 [Nhà sư Brahmāli đã viết: “Điều này đáng để lưu ý, rằng một đệ tử tại gia cũng nói về sự “an cư mùa Mưa” (3 tháng kiết hạ). Có lẽ đây là những hiện tượng phổ biến ở vùng bắc Ấn Độ, chứ không riêng những sa-môn (*samaṇa*). Có lẽ là do mùa mưa thì quá khó khăn để đi lại.”] (2216)

2164 [**Mp** nhận định chữ ‘*người được giải-thoát phi thời gian (vĩnh viễn)*’ (*asamaya-vimutto*) là A-la-hán. Liên quan với cách diễn tả ở kinh **6:55**, đoạn (1), câu “*không nhìn thấy bên trong mình còn điều gì cần phải làm hay [cần phải] làm thêm những gì đã làm xong*” (*karaṇīyaṃ attano na samanupassati katassa*

vā *paticayam*), **Mp** đã giải nghĩa chữ *paticayam* là “*sự tiến-thêm bằng cách làm thêm (điều đã làm xong) (punappunam karanena vadḍhim)*”. (Coi lại chú thích chú thích này ở kinh **6:55**, đoạn (1).] (2217)

2165 [Cả 02 phiên bản **Ce** và **Be** đều không dùng chữ *ti* để đánh dấu đến chỗ này là hết phần trích dẫn trực tiếp, và do vậy theo cách ghi của chúng thì khó nhìn thấy đoạn nội dung của chủ-đề thiền (tưởng niệm) này kết thúc chính xác ngay chỗ nào. **Ee** thì có đưa vào chữ *ti* chỗ này, để đánh dấu phần nội dung tưởng-niệm kết thúc ngay đây, bao gồm cả câu ví dụ và câu lặp lại.

- *Những thiên thần sống còn nhờ thức-ăn* là thuộc về cõi dục-giới. *Những thiên thần đã được tái sinh trong một thân làm-bằng-tâm* thì thuộc về cõi sắc-giới. Không rõ tại sao lời kinh lại nói: “*(những thiên thần đó) không nhìn thấy bên trong mình còn điều gì cần phải làm hay [cần phải] làm thêm những gì đã làm xong*” (*tā karanīyam attano na samanupassanti katassa vā paticayam*). Vì đặc ngữ này thường chỉ dành để mô tả bậc A-la-hán. Tôi chỉ có thể đoán rằng lời kinh đang hàm chỉ đó là những thiên thần đã chứng thành A-la-hán.] (2218)

2166 [Tôi đọc chỗ này theo **Be** và **Ee** là *aggi mutto*, khác với **Ce** ghi là *ag-gimukko*.] (2219)

2167 [Câu này là: *Saddhassa upāsakassa putto*. Câu này cũng có thể được dịch là “*con trai của người đệ tử tại gia nam (tên là) Saddha*”, với chữ *Saddha* là danh từ riêng. Nhưng nếu là như vậy tôi sẽ trông đợi phải có ghi luôn chữ *nāma* (tên là). **Be** ghi là *sudattassa upāsakassa putto* (*con trai của đệ tử tại gia nam tên Sudatta*”. Nhưng *Sudatta* chính là tên riêng của ông Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika), mà con cái của ông Cấp Cô Độc thì Phật đã biết rõ, nên lấy làm lạ nếu Phật còn hỏi thầy Tu-bồ-đề như vậy; do vậy không phải là con ông Cấp Cô Độc. Hơn nữa, các kinh trong các bộ kinh Nikāya cũng không gọi ông Cấp Cô Độc bằng tên riêng của ông, chỉ trừ một vài hoàn cảnh rất hiếm.] (2220)

2168 [Nguyên văn cụm chữ cuối này: *saddhāpadānesu*. **Mp** giải thích nghĩa là: “*sự thể-hiện, những tính cách, của những người được phú cho niềm-tin*” (*saddhānam puggalānam apadānesu lakkhaṇesu*).] (2221)

2169 [Đây là kinh song hành của kinh **8:01**. Kinh **11:15** này thường được tụng đọc như một “*kinh phòng-hộ*”.] (2222)

2170 [11 ích-lợi này được giảng giải chi tiết trong Thanh Tịnh Đạo, **Vism 311–14**, **Ppn 9.59–76**.] (2223)

2171 [Kinh này giống hệt kinh **MN 52.**] (2224)

2172 [Gia chủ này được mô tả là *gahapati Aṭṭhakanāgara*, trong đó đuôi chữ – *nāgara* có nghĩa là “*một công dân của thành phố [nào đó]*”. Bản thân chữ *nagara* có nghĩa là thành phố. Điều này giống hệt cách người ta gọi người từ thành phố Sài Gòn là ‘người Sài Gòn’, hay người ở thành phố Paris là ‘người Paris’ vậy.] (2225)

2173 [Nguyên văn câu này: *Ten’eva dhammarāgena dhammanandiyā*. Câu này cũng có trong kinh **9:36**, đoạn (1), (iii) và có chú thích ngay chỗ đó. (Mời coi lại chỗ đó và chú thích đó). Còn trong kinh này **Mp** có giải thích như vậy: “Chỗ này muốn chỉ 02 sự tham-muốn và tham-dục đối với sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ), (tức thiền định và thiền quán). Vì, nếu người tu có khả năng quét sạch mọi tham-muốn và tham-dục đối với thiền định và thiền tuệ, thì người đó trở thành A-la-hán. Nếu người đó không thể làm được vậy, người đó trở thành bậc Bất-lai. Bởi vì người tu chưa dẹp sạch tham-muốn và tham-dục đối với thiền định và thiền tuệ, thì thông qua sự cố-ý (hành, ý hành?) của tầng thiền định thứ tư người đó được tái sinh trong những cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên). Đây là sự giảng giải tổng quát của những vị thầy.”] (2226)

2174 [Cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ) không được nói ở đây bởi vì nó được coi là quá vi-tế đối với những yếu-tố cấu thành của nó (nếu) được dùng làm những đối-tượng thiền quán.] (2227)

2175 [Như trong bài kinh: *mười một cửa vào dẫn tới sự bất-tử* chính là 04 tầng thiền định sắc-giới, 04 trạng thái tâm vô-lượng, và 03 tầng chứng đắc vô-sắc giới. Chúng là những cơ-sở để tu tập minh-sát và chứng ngộ thánh quả A-la-hán.] (2227)

2176 [Đây được cho là 500 đồng tiền *kahāpaṇa* vào thời Đức Phật.] (2229)

2177 [Kinh này giống hệt kinh **MN 33.**] (2230)

2178 [Trong kinh **SN 47:06** (Quyển 5), bốn nền tảng chánh-niệm (bốn sự thiết lập chánh-niệm, tứ niệm xứ) đã được mô tả ví như một *đồng cỏ (gocara)* của một Tỳ kheo, đó là lĩnh-vực (xứ, lãnh địa, trú xứ) phù hợp đúng đắn để người tu chú-tâm (chánh niệm).] (2231)

2179 [Trừ câu mở đầu với ‘*một số Tỳ kheo*’ này, phần đối thoại còn lại giống

hết như kinh **11:07** được vấn đáp bởi thầy Ananda và Phật; (trong kinh đó cũng có 02 chú thích.) (2232)

2180 (Do nội dung câu hỏi dài nên người dịch Việt đánh dấu trong ngoặc {...} để người đọc dễ thấy.)

2181 [Phiên bản **Be** không gồm có dãy kinh từ **502 —881** này, có lẽ nó đã được nó đã được hàm ý và ngầm hiểu từ phần kế trước. **Ee** thì có ghi dãy kinh này chỉ như ba phần ngắn nằm trong bài kinh lớn hơn (trước) về ví dụ người chăn bò.] (2233)

2182 [**Ee** không đánh số NHÓM này. Cả **Ce** và **Be** đều đánh số là NHÓM 4.] (2334)

2183 [**Ce** đánh số những kinh trong NHÓM này bắt đầu từ **1** cho tới **170**; **Be** thì tiếp tục đánh số nó theo sự liên tục từ đầu đến cuối *QUYỂN*. Do **Be** không có ghi phần “tích cực” của ví dụ về người chăn bò (tức phần **(II)** theo sự đánh dấu của người dịch Việt) nên nó đánh số từ **502** cho tới **671**. Tôi cả 02 cách ghi và đánh số đó, nhưng nhất định bắt đầu từ số **982**, (tức vừa tính số theo sự liên tục từ phần trước và cũng vừa dựa trên sự không có ghi phần “tích cực” của ví dụ người chăn bò.) (2335)